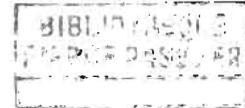
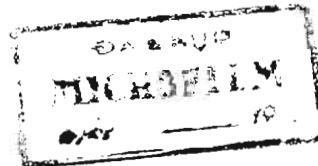


Từ nhà kho Quán Ven Đường

11/12/50

NHA HỌC-CHÁNH VĨNH-YÊN

**Địa chí  
TỈNH VĨNH - YÊN**



1939

IMPRIMERIE THUY - KY  
98, Rue du Chanvre  
HANOI

Sách này do Nha Hoc-Chánh tỉnh  
Vĩnh-Yên soạn theo lời chỉ-dẫn của Quan  
Công-Sứ Vĩnh-Yên Henri MENEAULT.

Có nhiều đoạn trích ở quyển Địa-chí  
của Quan Công-Sứ LOTZER (1933) và  
sách nói về Dị-tục của Quan Tuần-Phủ  
**TÙ-BỘ-THỤC.**

Xin chân trọng cảm-tạ hai ngài.

chảy quanh trong phủ Vĩnh-tường và mấy huyện nữa trong tỉnh rồi chảy vào sông Cà-Lồ. Về mùa mưa, nước ở huyện Tam-Dương, phủ Vĩnh-Tường, huyện Lập-Thạch và huyện Bình-Xuyên tụ lại ở đây trông to lầm.

#### 4.—Đê điều

Khi trước đê-diều ở Vĩnh-Yên đã nhiều lần bị vỡ. Đây tạm kẽ mấy lần mà đến nay dân Vĩnh-Yên hãi còn nhớ.

Năm 1851 — Vỡ đê thuộc phủ Vĩnh-Tường. Mùa màng các hạt Vĩnh-tường, Tam-dương, Yên-lạc và Bình-xuyên bị tàn phá.

Năm 1873 — Vỡ đê sông Cà-Lồ về địa phận làng Can-bi. Những huyện Bình xuyễn, Yên-lạc, Tam-dương và phủ Vĩnh-tường đều bị phá hại.

Năm 1878 — Ba lần đê sông Hồng-hà bị vỡ ở Bồ-sao. Cả phía nam tỉnh bị ngập.

Năm 1890 — Đê sông Hồng-hà bị vỡ ở Thủ-ich. Đê Bồ-sao bị vỡ lần thứ hai. Mùa màng ở Vĩnh-tường, Yên-lạc, Tam-dương và Bình-xuyên bị hỏng hết.

Năm 1892 — Vỡ đê sông Hồng-hà ở Thủ-ich. Vỡ đê sông Phó-dáy. Một phần lớn tỉnh bị ngập.

Năm 1893 — Dân sự bị luồn tám lần vỡ đê. Thật là một năm dân phải khổn đốn ô cùng. — Đê sông Phó-dáy vỡ ở :

Hoàng-xá-trung,

Hoàng-xá-thượng gần Hạ-chuế,

Bến Cả,

Bến Cả gần Phương-Lâu,

— Đê sông Hồng-hà bị vỡ ba lần : ở Bồ-sao; rồi đến ở Mô-chu.

Đê sông Cà-lồ bị sạt ở Vàn-dài. Ở Vĩnh-tường, Yên-lạc, Tam-dương và Bình-xuyên nhiều người và trâu bò bị chết, mùa màng và nhà cửa bị tàn phá.

Năm 1896 — Đê cũ sông Hồng-hà gọi là đê Bồ-sao, bị vỡ ở Đại-dịnh.

Năm 1897 — Đê cũ sông Hồng-hà (đê Bồ-sao) bị vỡ ở Đại-dịnh và đê sông Cà-lồ bị vỡ ở Can-bi.

Năm 1898 — Đê cũ sông Hồng-hà (đê Bồ-sao) bị vỡ ở Đại-dịnh.

Năm 1899 — Đê cũ sông Hồng-hà (đê Bồ-sao) bị vỡ ở Đại-dịnh. Lần nào đê vỡ cũng làm cho phía nam tỉnh bị ngập và mùa màng mất cả.

Năm 1904 — Đê sông Hồng-hà ba lần bị vỡ ở Thủ-ich, Mô-chu và Phú-da.

Năm 1909 — Đê sông Hồng-hà bị vỡ ở Bồ-sao.

Năm 1911 — Đê sông Hồng-hà bị vỡ ở Đại-dịnh rồi ở Mô-chu. Dân bốn phủ, huyện : Vĩnh-tường, Yên-lạc, Tam-dương và Bình-xuyên bị thiệt hại nhiều lắm.

Năm 1913 — Đê sông Hồng-hà bị vỡ ở Đại-tụ và ở Nhật-chiều. Cả phía nam tỉnh bị lụt.

Năm 1918 — Đập sông Cà-lồ bị vỡ ở Nghinh-tiên.

Từ năm 1920 vì Chính-Phủ đã xây một cái đập ở ngã ba sông Hồng-Hà và sông Cà-lồ và đập thêm nhiều đê nên tỉnh Vĩnh-yên đã tránh được nạn thủy lụt.

#### 5.—Khí hậu

Ở Vĩnh-yên có hai mùa chính là : mùa mưa và mùa hanh. Mùa mưa bắt đầu từ tháng năm cho đến tháng chín tây, còn mùa hanh thì từ tháng mười cho đến tháng hai tây. Về tháng hai và tháng ba tây hay có mưa phun và sương mù. Về mùa hạ thì hay có cơn động. Khi hậu lành nhưng ở các miền gần rừng núi, cây cối rậm rạp, thì có bệnh sốt rét.

## MỤC THỦ HAI

# VĨNH-YÊN CHÍNH-TRỊ

### 1. — Lịch-sử

#### A. — LỊCH-SỬ TỈNH VĨNH-YÊN

Hai chữ « Vĩnh-yên » lấy ở các chữ đầu tên hai hạt cai-trị to nhất trong tỉnh là : Phủ Vĩnh-tường và huyện Yên-lạc. Hai chữ ấy nghĩa là : yên- ổn đời đời.

Lúc Bắc-thuộc năm 679, tỉnh Vĩnh-yên cùng ba tỉnh : Sơn-tây, Phú-thọ và Phúc-yên đều thuộc về *Phong-Châu* cả.

Từ năm 945 đến năm 967, về đời loạn Thập-nhị Sứ-quân, có hai thỗ-hào xướng lên độc-lập, xưng là Sứ-Quân. Sứ-Quân Kiều-Công Hãn hay là Kiều-tam-Chế giữ Phong-châu (Bạch-hạc) và Sứ-quân Nguyễn-Khoan hay Nguyễn Thái-Bình giữ Tam-dái (Thỗ-lang và Yên-Lạc).

Năm 1428, đời vua Lê-thái-Tồ, tỉnh Vĩnh-yên thuộc về « Bắc-Đạo » gồm những tỉnh Lạng-son, Bắc-Ninh, Vĩnh-yên, Thái-Nguyên, Bắc-Kạn, và Cao-bằng bây giờ.

Năm 1466, về đời Vua Lê-Thánh-Tôn, tỉnh Vĩnh-yên lại bị phân chia ; một phần tỉnh thuộc về đạo Bắc-Giang hay là Kinh-bắc và một phần sát-nhập vào đạo Thái-Nguyên (nay là Ninh-sóc).

Đến đời Vua Gia-Long, bắt đầu từ năm 1802, tỉnh Vĩnh-yên bấy giờ bị sát-nhập vào ác trấn Thái-Nguyên, Kinh-bắc và Sơn-tây.

Năm 1822, Vua Minh-Mạng lấy huyện Bình-xuyên ở trấn Thái-Nguyên sát vào Phủ Vĩnh-tường bấy giờ thuộc trấn Sơn-tây. Phủ Vĩnh-tường lúc ấy gồm cả ba huyện: Lập-thạch, Bạch-hạc, và Tam-dương.

Năm 1832, Vua Minh-Mạng lại đặt ra phân-phủ Vĩnh-tường kiêm hai huyện Yên-lạc và Yên-lãng (nay thuộc Phúc-yên) và để thuộc về trấn Sơn-tây.

Đến đời Thiệu-Trị, năm 1841, huyện Bình-xuyên lại thuộc tỉnh Thái-Nguyên.

Khi nước Pháp mới lập Bắc-kỳ làm xứ Bảo-Hộ thì một phần lớn hạt Vĩnh-yên thuộc về inh Sơn-tây. Vĩnh-yên lúc ấy là một đạo có Quan Quản-đạo trông coi, và thuộc quyền Quan Tổng-dốc Sơn-tây. Chỉ có huyện Bình-xuyên là thuộc quyền cai-trị tỉnh Thái-Nguyên.

Sau vì địa thế tỉnh Sơn-Tây rộng quá mà miền Vĩnh-yên lắm giặc giã, có nhiều sự trở ngại cho việc trị-an, nhất là lại cách tinh-ly Sơn-tây bởi con sông Hồng-hà, về mùa nước lũn, sự giao-thông rất khó khăn, nên ngày 6 Novembre năm 1890, Quan Toàn-quyền PIQUET ký nghị định đặt đạo Vĩnh-yên ra một tỉnh riêng. Tỉnh Vĩnh-yên gồm có một phủ : Vĩnh-Tường và 6 huyện: Bạch-hạc, Lập-thạch, Tam-dương, Yên-lạc, Yên-lãng và Bình-xuyên. Tỉnh lỵ mới đặt ở làng Hương-canh, thuộc huyện Bình-xuyên cho nên người ta thường gọi là « tinh Cảnh ».

Nhưng sáu tháng sau, nghị định ngày 16 Avril 1891 bãi tỉnh Vĩnh-yên. Tuy vay vẫn để một Quan Đại-lý ở Hương-Canh để trông coi các công việc thay quyền Quan Công-sứ Sơn-tây.

Giặc giã mãi không yên, nên ngày 29 Décembre 1899 Quan Toàn-quyền DOUMER theo lời tư của Quan Kinh-lược Bắc-kỳ ký nghị-định đặt lại tỉnh Vĩnh-yên và đặt tinh-ly ở xã Tích-sơn, là nơi thành tinh-ly Vĩnh-yên bấy giờ. Những miền giáp giới với tỉnh

Thái-Nguyễn và Bắc-Giang vẫn có giặc cướp, nên nghị định ngày 6 Octobre năm 1901 tách huyện Yên-lãng thuộc Vĩnh-yên ra để đặt thêm tỉnh Phú-lỗ, sau thành ra tỉnh Phúc-yên.

Từ ngày ấy đến nay tỉnh Vĩnh-yên có một phủ : Vĩnh-tường và 4 Huyện : Yên-lạc, Lập-Thạch, Tam-dương và Bình-xuyên.

## B. — LỊCH-SỬ CÁC PHỦ HUYỆN

### Phủ Vĩnh-Tường.

Phủ Vĩnh-tường đặt ra năm 1822 do chỉ dụ của vua Minh-Mạng. Về đời nhà Trần, từ thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ thứ 14, phủ ấy gọi là Tam-dái-lộ. Nhà Hậu-Lê, năm 1466, gọi là phủ Tam-Đái, kiêm 6 huyện : Bạch-hạc, Lập-thạch, Phú-khang, Tiên-phong, Yên-lạc và Yên-lãng. Phủ-ly ở làng Nhật-chiều, rồi sau lại dời sang làng Văn-Trung. Vua Minh-Mạng gọi là phủ Tam-Đái sau mới gọi là phủ Vĩnh-tường.

Năm 1836, phủ-ly đóng ở làng Huy-Ngac, hiện nay hãy còn vết tích thành cũ.

Đời Đồng-Khánh, từ năm 1885 đến năm 1888, phủ Vĩnh-tường kiêm ba Huyện : Bạch-hạc, Lập-thạch và Tam-dương.

Từ năm 1900, phủ Vĩnh-tường chỉ kiêm có Huyện Bạch-hạc thôi, các Quan Huyện Tam-dương và Lập-thạch thuộc quyền Quan-tỉnh.

Sau cùng, năm 1914, phủ-ly lại di sang làng Thồ-tang vì ở Huy-ngaèc thời ấy loạn lạc, nhiều Quan Phủ bị giết.

### Huyện Bạch-Hạc.

Hai chữ « Bạch-Hạc » đặt ra từ đời Vua Lê-thánh-Tôn, vào khoảng từ năm 1460 đến năm 1469. Về đầu thế-kỷ thứ 15, huyện ấy gọi là Phú-long. Huyện Bạch-hạc bây giờ bỏ đi và thuộc về phủ Vĩnh-tường (1900).

### Huyện Yên-Lạc.

Huyện Yên-lạc lập ra từ đời nhà Đinh, về thế-kỷ thứ 10.

### Huyện Lập-Thạch

Huyện Lập-thạch lập ra từ thế-kỷ thứ 13 hay 14, về đời nhà Trần.

### Huyện Tam-Dương

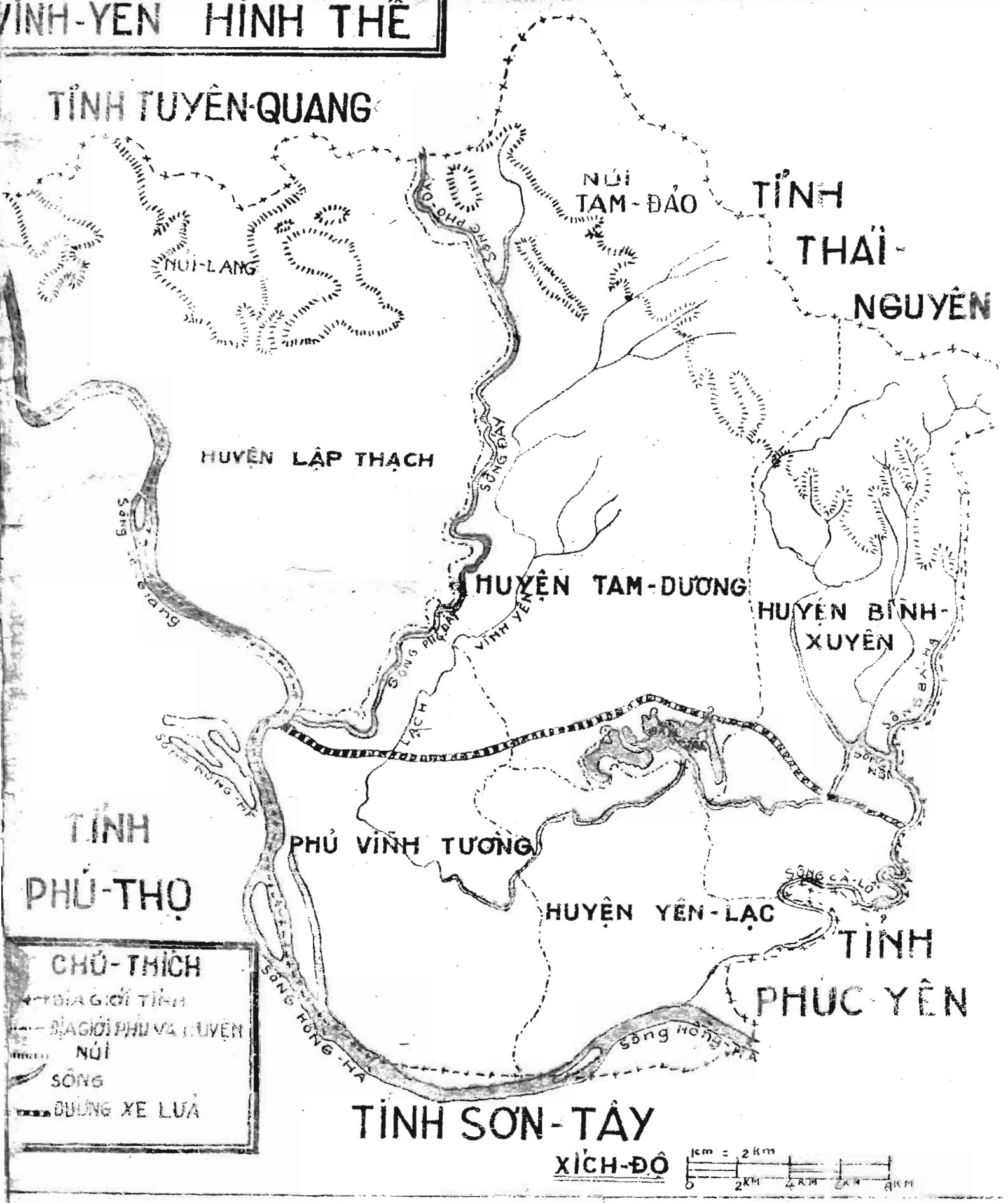
Thế-kỷ thứ 15, lúc nội-thuộc nhà Minh, huyện Tam-dương là một huyện thuộc phủ Tuyên-hoa. Về đời vua Lê-thánh-Tôn, vào khoảng từ năm 1460 đến 1469, mới gọi là Tam-dương, thuộc phủ Đoan-hùng, tỉnh Phú-thọ. Đến năm 1830, đời vua Minh-Mạnh, huyện ấy thuộc phủ Vĩnh-Tường. Năm 1852, về đời vua Tự-Đức, huyện ấy được thêm ba tổng của huyện Yên-lạc. Có câu truyền lại rằng : « Huyện Tam-dương có ba con đè, đứng núi đá trông về Lập-thạch » nghĩa là : Ba ngọn núi « Tam đảo » ở Tam-dương đều quay mặt về Lập-thạch.

### Huyện Bình-Xuyên

Huyện Bình-xuyên, về thế kỷ thứ 15, lúc nội-thuộc nhà Minh, gọi là Bình-nguyễn, thuộc châu Tuyên-hoa. Đến đời nhà Lê, từ năm 1428 đến năm 1788, thuộc phủ Phú-Binh, rồi sau đổi ra Bình-xuyên thuộc tỉnh Thái-Nguyễn. Năm 1822, đời vua Minh-Mạnh, huyện Bình-xuyên thuộc phủ Vĩnh-tường, tỉnh Sơn-Tây. Đến năm 1841 lại thuộc tỉnh Thái-nguyễn, rồi từ năm 1890 mới thuộc bắc về tỉnh Vĩnh-yên.

# VĨNH-YÊN HÌNH THỂ

## TỈNH TUYÊN QUANG



### C.—LỊCH SỬ' VỀ DÂN-CU'

Tỉnh Vĩnh-yên trước kia chưa có kênh dẫn-thủy nhập diền thi ruộng đất rất xấu, nên dân-cư không đóng đúc lăm. Đồng-bằng không đủ nước cầy cấy, nên ít người đến khai thác, vì thế trong tỉnh không có mấy nơi sầm uất.

Về đời Trung-cô, tỉnh Vĩnh-yên đã bị giặc Mông-cô và Vân-nam quấy nhiễu. Vì tiện đường đi về miền Trung-châu, nhờ có những con sông như: Phó-dáy, Hồng-hà, Lô-giang và những đường bộ, nên về thời loạn-lạc, Vĩnh-yên vẫn là nơi chốn của quân giặc.

Năm 1862, giặc Đốc-Nho cướp phá huyện Bình-xuyên, đốt hầu hết các làng và giết hại rất nhiều người.

Năm 1883, sau khi thành Sơn-tây thất thủ quân Cờ-den tràn sang tỉnh Vĩnh-yên. Chúng giết người, đốt các làng, bắt dân bà trẻ con mang đi mà các quan ta không dám làm gì.

Hết quân Cờ-den lại đến những tướng khác như: Đốc-Khoát, Đốc-Giang, Tuần-Bôn, Đốc-Huỳnh phá hại. Năm 1884, chúng cướp phá những làng Hương-canhs, Tiên-canhs, Ngọc-canhs. Trong một ngày chúng giết chết 300 dân làng Vĩnh-mỗ. Quan-huyện bấy giờ là Phạm-Quyên bị bắt, trốn được ăn vào trong một cái giếng, sau nhờ có dân làng Hội-hợp cứu được. Các làng Thủ-xá và Đồng-cương (hạt Yên-lạc) cũng đều bị đốt phá. Năm 1887, làng Vĩnh-mỗ lại bị tàn phá lần nữa và quan huyện Lê-sỹ-Tiên bị quân giặc bắt, sau phải chuộc mới được tha.

Chính-phủ Bảo-hộ phái quân đi dẹp, nhưng việc đánh dẹp rất khó khăn, vì nếu quân giặc bị đuổi ở miến núi Ba-vi thì chúng lại chạy sang miến núi Tam-dảo. Chúng cứ trốn tránh như thế, và làm khổ dân-gian.

Năm 1885, Chính-phủ mới đặt các đồn quan-binh ở những nơi giặc hay qua lại; đến năm 1886, lại phái thêm lính khổ-xanh giúp sức, để đánh dẹp. Sau lại phái thêm một đội lính « Lê-dương » và lính khổ-dò đến đóng ở Liễn-son để giúp sức các đồn khổ-xanh đóng rải rác ở chân núi Tam-dảo như các đồn: Bá-hạ, Sơn-định, Bảo-chúc, Đạo-chù, Vĩnh-ninh, Ngọc-kỳ, Lãng-sơn, Phương-ngạc và Chợ-vàng. Ở Bạch-hạc cũng có một đội lính Lê-dương đóng để tuần phòng phủ Vĩnh-tường vì lúc ấy có mấy quan Phủ bị giết. Mấy năm về sau vẫn có một đồn khổ-xanh đóng để canh phòng phủ-ly ở Huy-ngạc.

Đến thời quan Công-sứ tỉnh Sơn-tây tên là Neyret lên cầm quyền thì việc đánh dẹp mới bắt đầu có hiệu quả. Ngài sửa sang lại sự tuần-phòng các làng. Ngài mở thêm đường-xá để liên lạc các đồn canh-phòng với nhau, nên việc đánh dẹp mới có hiệu-quả. Quan Công-sứ trước nhất tỉnh Vĩnh-yên là Lomé cũng theo đuổi công cuộc ấy nhưng cũng mãi về sau này mới dẹp hết giặc giã.

Cũng như tỉnh Phúc-yên và Bắc-giang, tỉnh Vĩnh-yên còn bị giặc giã quấy rối mãi.

Lương-Tam Kỳ, ông chúa miến Chợ-chu, họp dư đảng giặc Cờ-den, vượt núi Tam-dảo để tàn phá các làng lân cận tỉnh Vĩnh-yên.

Vào khoảng năm 1892, có một người dân ở làng Xá-hưng, huyện Tam-dị, tư xưng là Tây-thiên-Vương nói có phép lạ: chỉ phẩy cái quạt là có thể tránh được đạn bắn vào mình. Nhưng chẳng bao lâu Quan Huyện Tam-dương Nguyên-Phú bắt được ngay.

Năm 1907, Đội-Ca, tùy-tướng của Đề-Thám, tràn sang huyện Bình-xuyên, đánh phá làng Sơn-lôi. Năm 1908, lại qua huyện Lập-thạch bắt các làng Thượng-Đạt, Hạ-Ích, và Thanh-Sơn phải cung cấp lương thực. Ngay năm ấy, chính Đề-Thám muốn tràn sang huyện Bình-

xuyên, nhưng bị quân của Đại-tá Bonifacy và của quan Khâm-sai Lê-Hoan đuổi, nên ngày 5 Octobre 1909 phải giao một trận huyết chiến ở làng Lãng-Sơn. Trận ấy bên giặc chết rất nhiều và là một trận to nhất của quân Chính-Phủ đã giao chiến với quân Đè-Thám.

Năm 1917, dẹp xong giặc Đội-Cấn là hết thời kỳ loạn lạc. Đội-Cấn nỗi loạn ở Thái-Nguyên rồi vượt núi Tam-dảo, tràn sang Vĩnh-yên tàn phá tross. Tam-lộng. Những làng: Xạ-hưng, Hạ-nậu, Sơn-đình, Hoàng-xá-Thượng, Hoàng-xá-Trung, Hướng-lại, Sơn-kiệu, Đồng-mẫu và Đồng-Tâm bị khủng khiếp. Đảng giặc bị lính của Chính-phủ đánh cho đại bại ở các làng Xạ-Hưng và Hoàng-xá-Trung, thua trận họ trốn sang làng Trung-hà, rồi ở đấy bị đuổi xuống hạt Phúc-Yên.

Tỉnh Vĩnh-yên đã bị giặc giã tàn phá lại bị nạn ngập lụt nên dân cư siêu bạt. đất không ai cầy cấy nên rě đi nhiều; một mẫu ruộng chỉ giá độ 0\$50. Các hạt Bình-xuyên, Tam-dương và Lập-Thach bị lâm vào cảnh ấy hơn cả, nhưng chẳng bao lâu lại trở lại thịnh vượng nhờ có quân của Chính-phủ đánh dẹp một cách có hiệu quả. Dân lại trở về làm ăn. Người có ruộng lại trở về cầy cấy ruộng đất.

Sau hồi loạn-lạc tỉnh Vĩnh-yên lại được yên ổn và phồn thịnh và dần dần tỏ ra rất xứng với cái tên: « Vĩnh-Yên ».

## 2. — Danh sách các quan cai-trị đầu tỉnh

Thành lập từ tháng chạp năm 1899, tỉnh Vĩnh-Yên đã có các quan Công-Sứ và Tuần-phủ sau này cai-trị:

### Các quan Công-Sứ:

M.M. Lomé	từ	tháng	chạp	năm	1899	đến	tháng	chin	năm	1900
Conrandy	—	—	chin	—	1900	—	—	mười	—	1901
Frébault	—	—	mười	—	1901	—	—	ba	—	1906
Marc	—	—	ba	—	1906	—	—	hai	—	1907
Culliéret (p. i.)	—	—	hai	—	1907	—	—	ba	—	1907
Tournois	—	—	ba	—	1907	—	—	tư	—	1908
Culliéret (p. i.)	—	—	tư	—	1908	—	—	chin	—	1908
Moulié	—	—	chin	—	1908	—	—	hai	—	1909
Le Gallen	—	—	hai	—	1909	—	—	một	—	1910
Ferrand	—	—	một	—	1910	—	—	hai	—	1911
Culliéret	—	—	hai	—	1911	—	—	giêng	—	1919
Pech	—	—	giêng	—	1919	—	—	bảy	—	1919
Bouchet	—	—	bảy	—	1919	—	—	tư	—	1921
Graffeuil	—	—	tư	—	1921	—	—	tám	—	1921
Bride	—	—	tám	—	1921	—	—	hai	—	1924
Forsans	—	—	hai	—	1924	—	—	ba	—	1931
Tharaud	—	—	ba	—	1931	—	—	bảy	—	1931
Régnier (p.i.)	—	—	bảy	—	1931	—	—	tám	—	1931
Lotzer	—	—	tám	—	1931	—	—	tư	—	1933
Delsalle	—	—	tư	—	1933	—	—	tám	—	1937
Meneault	—	—	tám	—	1937					

**Các quan Tuần-Phủ :**

M.M.	Đỗ-phú-Túc	từ năm 1899 đến năm 1904
	Mai-trung-Cát	— 1904 — — 1916
	Nguyễn-trung-Tiên	— 1916 — — 1918
	Nguyễn-văn-Giáp	— 1918 — — 1922
	Nguyễn-văn-Bản	— 1922 — — 1924
	Phạm-gia-Thụy	— 1924 — — 1927
	Đào-trọng-Vận	— 1927 — — 1929
	Bùi-huy-Tiến	— 1929 — — 1932
	Vũ-Tuân	— 1932 — — 1933
	Nguyễn-hữu-Thư	— 1933 — — 1934
	Hà-lương-Tín	— 1934 — — 1938
	Dương-thiệu-Tường	— 1938

**3. — Dân-cư.**

Dân-cư tỉnh Vĩnh-yên phần nhiều là người Việt-nam. Trong những làng ở sườn núi Tam-dảo có người Mán và một ít người Thổ và người Nùng. Theo bản điều-tra về năm 1938, dân-số được 249.777 người, phân ra như sau này :

Người Âu Châu	90
— Việt-nam	246.958
— Mán	2.599
— Nùng	34
— Thổ	22
— Tầu	74
Tổng cộng	249.777

Tỉnh Vĩnh-yên diện-tích do được 1.086 cây số vuông nhưng có 475 cây số vuông là đồng bằng. Trung bình mỗi cây số vuông có 229 người. Những hạt Vĩnh-tường và Yên-lạc dân-cư ở đông hơn các hạt Lập-thạch, Tam-dương và Bình-xuyên. Hạt Vĩnh-tường trung bình mỗi cây số vuông có 546 người và Yên-lạc có 549 người; còn những hạt kia chỉ có độ hơn 100 người mỗi cây số vuông thôi. Dân-số hạt Lập-thạch có 186 người một cây số vuông vì miền nam hạt ấy có nhiều đồng bằng.

Muốn biết dân-cư đông hay thưa, hãy xem bản thông-kê sau đây :

Phủ, huyện	Dân số	Đất mặt	Dân-số theo km <sup>2</sup>
Vĩnh-tường	84.133	154 km <sup>2</sup>	546
Yên-lạc	54.880	100	549
Lập-thạch	56.672	305	186
Tam-dương	31.453	342	92
Bình-xuyên	22.639	185	122
Tổng cộng :	249.777	1.086 km <sup>2</sup>	

Nhiều tông ở miền núi Tam-dảo chưa có mấy người ở. Dân cư các hòn đòng đúc khác nhau là tùy theo số ruộng cấy được nhiều hay ít. Miền nào thấp, ít núi, nhiều ruộng thì dân đông, còn miền nào nhiều núi, ít ruộng thì dân thưa. Vả lại khi hậu cũng có ảnh hưởng đến dân số. Về hòn Bình-xuyên, Tam-dương, Lập-thạch, dân số ít, là vì gần rừng, khí hậu ẩm thấp, thường có bệnh sốt rét.

a) **Người Việt Nam**

Dân số người Việt-Nam trong tỉnh được 246.958 người. Phong tục cũng giống các miền khác ở Trung-châu xứ Bắc-kỳ. Dân vẫn theo các lễ-nghi: tết Nguyên-dán, tiết Hàn-thực, tiết Đoan-ngo, tiết Trung-thu, tiết Trùng-cửu, tiết Song-thập, tiết Ông-táo. Mỗi năm hai lần, về tháng hai và tháng tám, các quan-lại họp ở Văn-Miến tế Đức-Khổng-Phu-Tử và các Tiên-hiền. Còn ở Vọng-cung thì các quan chầu-lịch hôm mồng một tết, làm lễ Hưng-quốc-Khánh-hạ hôm mồng hai tháng năm và lễ Vạn-thọ hôm 23 tháng chín ta.

Ít lâu nay không thấy mấy nơi còn tế Văn-chỉ hàng tông. Còn tục ma chay cùng cưới xin vẫn theo như cũ.

b) **Người Mán**

Giống Mán tỉnh Vĩnh-yên có 4 bộ-lạc: Mán quần-cộc, Mán Cao-lan, Mán-Sơn-dầu hay là Mán-Đại-bản và Mán-Hoa-nhàn. Số Mán được 2.599 người ở rải rác thành 17 làng thuộc ba huyện Tam-dương, Lập-thạch và Bình-xuyên. Giống Mán gốc tích từ các miền rừng núi về phía nam nước Tàu, lan dần xuống xứ Bắc-kỳ độ 4 thế-kỷ nay. Phong tục và tiếng nói mấy giống Mán có khác nhau, nhưng cách khai khẩn đất hoang và dốt rừng đều giống nhau cả. Người Mán khai khẩn một khu đất, chỉ cày cấy trong vài ba năm, rồi lại kéo nhau đi nơi khác. Cũng có khi họ ở hẳn một chỗ, như ở chân núi Tam-dảo. Người Mán rất chăm làm và cai-trị dẽ.

1º/ **Mán-Quần-Cộc.** — Mán-Quần-Cộc ở trong vùng sơn-cuộc các tông Quảng-cư, Hoàng-chí, huyện Lập-thạch. Giống này gọi là Mán-Quần-Cộc vì dân ông mặc quần ngắn và dân bà mặc váy cũng ngắn. Quần áo và khăn ruộm mùi chàm. Nhưng cũng có nhiều người Mán ăn mặc theo lối người Việt-nam. Những dân bà vẫn ăn mặc theo lối cũ. Ở cổ, ở tay và ở tai đeo vòng bạc to và nặng. Ăn và ở cũng hơi giống người Việt-nam, chỉ khác là ngày họ ăn ba bữa, ăn cơm xong rồi ăn cháo. Người Mán-Quần-Cộc cũng cúng tổ-tiên và thờ thần-phật ở các chùa, miếu. Mỗi làng có một người Then dè trừ tà ma.

2º/ **Mán-Cao-lan.** — Mán-Cao-lan ở về tông Bạch-lưu, huyện Lập-thạch, nhất là ở hai làng Yên-thiết và Quảng-viễn. Người ta gọi là Cao-lan vì giống Mán ấy hay ở những chỗ cao. Mán-Cao-lan mồ rợ hơn Mán-Quần-Cộc, hay dốt rừng lấy đất làm ruộng. Dân ông ăn mặc hơi giống người Việt-nam, nhưng quần áo vải đều nhuộm chàm. Dân bà mặc váy ngắn, thêu chỉ đỏ, chân quần xà-cạp, đầu búi tóc, khăn khăn. Con gái chưa chồng ở trước ngực có đeo một hay hai cái cúc, to bằng đồng bạc.

Nhà sàn thường dựng trên sườn núi, làm bằng tre, gỗ và lợp lá. Tầng trên người ở, tầng dưới nuôi trâu bò, gà, vịt. Mỗi ngày họ chỉ ăn hai bữa cơm và cháo. Ăn rất xênh-xoàng, thịt cá chỉ đem luộc lên thôi. Mán-Cao-lan cũng tín-ngưỡng như Mán-Quần-Cộc. Đối với việc hiếu, có phần tôn-nghiêm hơn. Đè tang họ cũng đội khăn trắng. Họ có tục lợ là tục « nợ lê cưới ». Nếu dời người chồng không trả được thì con cháu ngày sau phải trả thay.

3º) **Mán-Sơn-dầu hay Mán-Đại-Bản.** — Giống Mán này rất ít, thường ở trên ngọn núi cao, không mấy khi xuống đồng-bằng. Họ ở các núi thuộc làng Lãng-sơn, tổng Nhàn-mục, huyện Lập-thạch. Người ta gọi thế là vì khi đứa con gái, tới ba tuổi thì cha mẹ đem gội hết tóc, rồi giết lợn giết bò, mời dân làng. Khi đứa con gái đến tuổi cập-ké, lấy nhựa và sáp vuốt tóc cho dính với nhau giống như sơn. Rồi quấn tóc vào một miếng gỗ, lấy một vuông vải to phủ đi, vì thế ta gọi là Đại-bản. Giống Mán này gốc tự miền nam nước Tàu. Đàn ông ăn mặc cũng giống các người Mán khác. Có người ăn mặc như người Việt-nam, cũng khăn lụt, áo dài; đàn bà thì mặc một cái áo dài, vạt đằng sau vén ra đằng trước, một cái quần rộng, gấu thêu. Con gái lại đeo thêm ở trước ngực những khuy bạc. Chuồng trâu, bò của họ làm xa nhà ở, ở hai bên cổng vào. Nhà hay làm gần suối, dùng ống nứa dẫn nước vào tận nhà. Họ rất thận trọng về cách sơn dầu vì họ tin rằng nếu không theo đúng, có khi ốm và đến chết nữa. Người Mán-Đại-bản ngày ăn ba bữa. Họ không bán lợn gà bao giờ. Họ nuôi cốt để ăn thịt. Họ cũng thờ cúng tổ tiên như người Việt-nam. Ngày cưới, cô dâu lúc về nhà chồng phải tránh sao «Thái-bach». Nếu sao ấy hôm cưới, chiểu vào lối cổng thì phải sê hàng rào cho cô dâu vào.

4º) **Mán-Hoa-nhân (Mán giống Khách).** — Giống Mán-Hoa-nhân, tỉnh Vĩnh-yên chỉ ở mạn núi huyện Bình-xuyên, nhất là ở các làng Xạ-hưng, Lưu-quang và Cam-làm, thuộc tổng Tam-lộng, cùng làng Trung-mẫu, thuộc tổng Thiện-kế. Cách ăn ở và phong tục giống như người Việt-nam, nhưng chỉ có lễ cưới là khác. Người con gái nếu nhà nghèo thì trước khi lấy vợ, phải đến nhà gái ở «gửi rề» độ một hay hai năm, rồi sau mới được ra ở riêng. Lúc ấy mới làm lễ cưới. Con nhà khá thì lê ăn hỏi đến năm bảy tháng. Ngày hôm cưới họ nhà gái chọn một người con gái và năm bảy người con gái để mang đồ lễ đến nhà gái. Đến nơi, gái gái ăn uống no say suốt ngày. Cỗ bàn xong, nhà gái đem một bọn con gái ra hát đùa với con giai, hát suốt đêm. Hôm sau cô dâu về nhà chồng. Con giai con gái lại hát đùa nhau suốt đêm, trước khi từ biệt.

### c) Người Thổ

Đàn Thổ tỉnh Vĩnh-yên không có mấy. Chỉ có 22 người họp thành một làng Trung-mẫu thuộc huyện Bình-xuyên.

Người Thổ khỏe mạnh, có vẻ chất-phác, thực thà, nhưng trẽ nǎi. Việc nông-tang, thương-mại, phần nhiều về tay đàn bà con gái làm cả. Đàn ông Thổ thường mặc quần vải trắng, áo dài bằng vải nhuộm chàm. Đàn bà mặc áo dài màu chàm. Tay và cổ đeo vòng bạc, tai đeo khuyên bạc hạy cúc hổ-phách. Đầu đội nón chóp, ngoài đan bằng giang như nón đàn ông. Ngày nay người Thổ đã ăn mặc theo lối Việt-nam. Người Thổ thường ở nhà sàn. Giữa nhà đặt cái bếp để đun nấu, và để sưởi rét nữa. Phía ngoài có cái thang để cheo lên nhà. Cảnh thang để vại nước rửa chân. Từng dưới đê nhốt trâu bò, gà, vịt. Người Thổ sinh nhai bằng nông-sản và lâm-sản.

### d) Người Nùng.

Người Nùng ở Vĩnh-yên rất thưa: có 34 người. Họ chăm làm hơn người Thổ. Đàn ông làm ruộng và làm thợ rất khéo. Trong người đây đà, cử chỉ tựa như người Tàu. Y-phục,

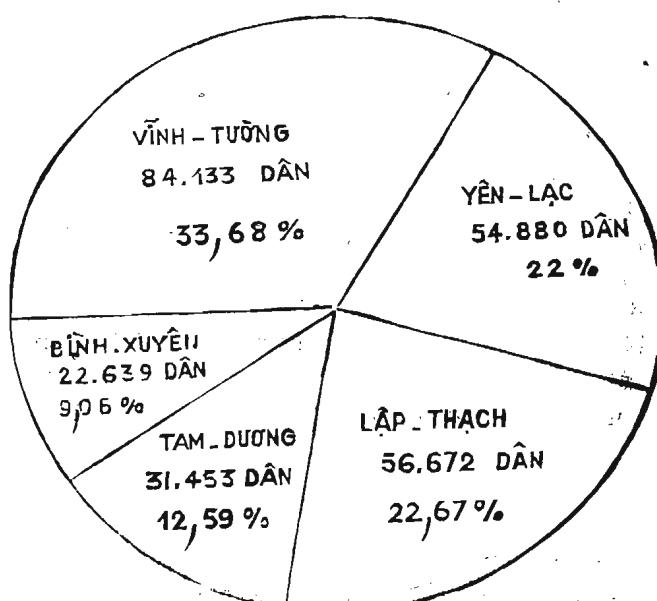
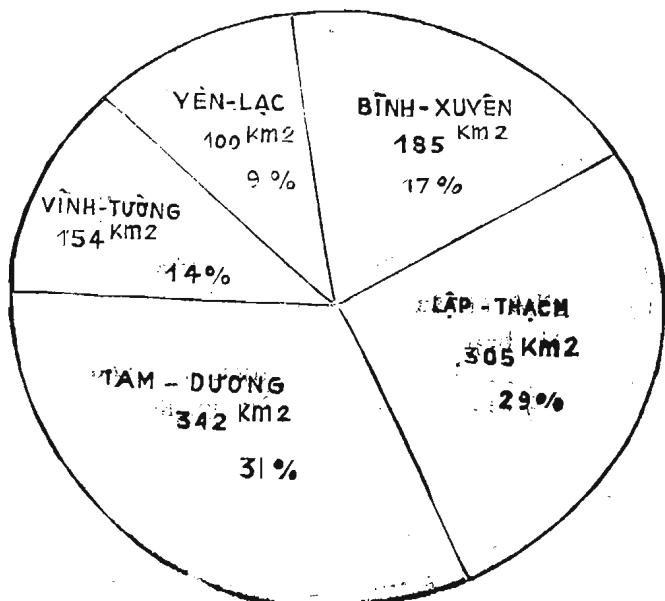
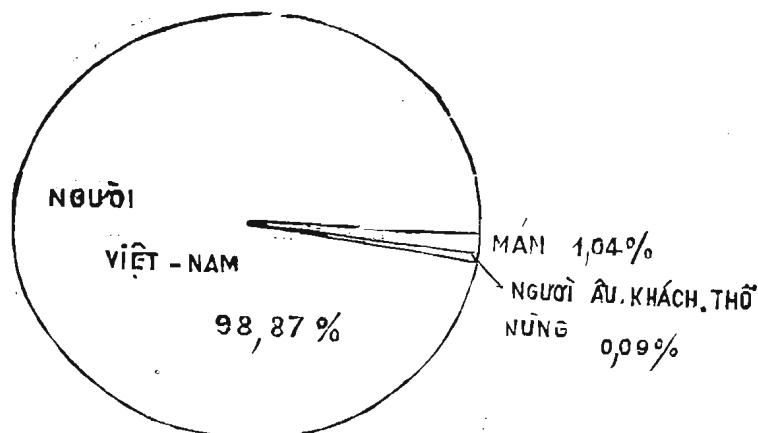
phong-tục và tín-ngưỡng cũng giống người Tàu cả. Người Nùng rất chăm-chỉ làm việc, rất chịu khó khai-khawn rừng núi.

e) Người Tàu.

Tỉnh Vĩnh-yên buôn bán không được thịnh vượng lắm, nên ít người Tàu ở. Có 74 người, phần nhiều làm dồn điền ở gần núi Tam-dảo, hay buôn bán ở tỉnh-ly và các thị-trấn khác như Phú-thị, Bạch-hạc cùng các phủ, huyện-ly.

f) Người Âu.

Người Âu ở tỉnh Vĩnh-yên phần nhiều là các Quý-Quan Pháp trông nom các công-sở. Ngoài ra có vài người làm dồn-diền.



#### 4. — CÁC HỘI.

Trong tỉnh có nhiều hội :

1°/ **Câu-lạc-bộ**. — Câu-lạc-bộ thành lập mục đích để các hội-viên có nơi hội-hợp, đọc sách và chơi thể-thao. Hội-quán ở ngay giữa tỉnh-ly, trên một khu đất rộng rãi, mát mẻ; có thư viện, có máy truyền-thanh, có sân quần-vợt.

2°/ **Hội Tương-tế phồ-tế**. — Tỉnh Vĩnh-yên cũng có một hội Tương-tế-Phồ-tế từ năm 1931 như các tỉnh khác ở Bắc-kỳ. Ban trị-sự có quan Công-sứ làm chánh hội-trưởng. Tiền gop đồng niên của các hội-viên đều dùng vào việc chấn-tể nạn-dân trong tỉnh.

3°/ **Hội Hợp-thiện**. — Hội làm các việc từ-thiện, chôn cất các thây vô thừa nhận, hoặc giúp đỡ mai táng cho các tang-gia nghèo khổ. Ngoài ra hội lại cho thuê đất và các đồ hành-tang. Hội có nghĩa-trang gần tỉnh, cạnh đường đi Hanoi.

4°/ **Hội Thể-thao**. — Quan Chánh Công-sứ Meneault đã sáng lập ra nhiều hội thể-thao ở khắp trong tỉnh. Ở tỉnh-ly có sân vận động rộng-rãi, có đủ các khí cụ để cho các thanh-niên luyện tập thể-dục. Một viên quan khố-xanh Pháp đứng trông nom việc luyện tập.

Phủ huyện nào cũng có sân vận-động và hội thể-thao. Hiện bây giờ tỉnh Vĩnh-yên có sáu sân vận-động : ở tỉnh-ly, Vĩnh-tường, Bạch-hạc, Lập-thạch, Yên-lạc, Bình-xuyên. Năm 1938, quan Công-sứ Meneault lại đặt một cái «cúp» luân-chuyền cho các phủ huyện về các môn điền-kinh. Tỉnh Vĩnh-yên lại có một hội «bơi thuyền».

#### 5 — TÔN-GIÁO.

Tỉnh Vĩnh-yên có ít người theo đạo gia-tô, còn thi sùng đạo Phật, cùng thờ cúng thần thánh, tổ-tiên.

Các làng đều có đình, chùa, đền, miếu để thờ thần, thờ phật. Có nhiều linh-tử, danh-tự (xem mục thứ tư).

##### a) Đạo Gia-Tô

Đạo gia-tô cũng mới truyền đến tỉnh Vĩnh-yên. Lúc đầu có ít người theo, phần nhiều là người nghèo. Ở Bồ-sao, Hòa-loan và Hữu-Bằng có nhiều người theo đạo. Ngày nay tỉnh Vĩnh-yên có bảy xứ chính là :

- |                |              |
|----------------|--------------|
| 1°) Vĩnh-yên   | (tỉnh-ly)    |
| 2°) Hòa-loan   | (Vĩnh-tường) |
| 3°) Văn-thạch  | (Lập-thạch)  |
| 4°) Đại-diễn   | (Tâm-dương)  |
| 5°) Dân-chù    | (Yên-lạc)    |
| 6°) Trung-xuân | (Yên-lạc)    |
| 7°) Hữu-bằng   | (Bình-xuyên) |

b) Các nhà thờ.

Những làng theo đạo đều có nhà thờ. Những nhà thờ đẹp là :

- 1º) Nhà thờ làng Hòa-loan (Vĩnh-tường)
- 2º) — — Dân-trù (Yên-lạc)
- 3º) — — Phương-trù (Yên-lạc)
- 4º) — — Ngọc-bảo (Bình-xuyên)

6 — VIỆC HÀNH-CHÍNH.

A — CÁCH TỔ CHỨC VIỆC CAI-TRỊ

Việc chính-trị trong tỉnh do quan Công-sứ, và quan Tuần-Phủ đứng đầu, có một quan Bố-chánh lĩnh chức Chánh-án dự-khuyế, một quan Tri-phủ giữ chức Dự-thẩm, một quan Bố-chánh hay Tri-phủ sung chức Thương-tá giúp việc.

Toàn hạt có một quan Tri-phủ, bốn quan Tri-huyện và một quan Bang-tá.

Tỉnh Vĩnh-yên có hai nơi đô-hội : Tỉnh-ly và Tam-dảo. Tỉnh-ly Vĩnh-yên lập tại làng Tich-son, huyện Tam-dương, có năm phố là :

- 1º) Vĩnh-thành.
- 2º) Sơn-cao.
- 3º) Vĩnh-thịnh.
- 4º) Đồng-thái.
- 5º) Đắc-thú.

Tam-dảo có một khu đề riêng cho người ta ở gọi là « làng Annam ».

Vĩnh-yên chia ra làm 5 hạt là :

1 Phủ Vĩnh-tường

4 huyện : Yên-lạc, Lập-thạch, Tam-dương, Bình-xuyên.

a) Phủ Vĩnh-tường.

Phủ Vĩnh-tường có 10 tổng, 86 làng. Dân số được 84.133 người và ruộng đất giồng giọt được 11.800 mẫu tây.

Phủ Vĩnh-tường có đặt một nha Bang-tá ở Bạch-hạc. Quan Bang-tá coi việc tuần phòng hai tổng Nghĩa-yên và Mộ-chu. Về việc án-tử có một viên thừa-phái giữ chức Lục-sự tòa án sơ-cấp giúp việc ; quan Bang-tá sung chức Chánh-án tòa án sơ-cấp. Việc hành-chính và binh-lương thuộc phủ Vĩnh-tường cả.

b) Huyện Yên-lạc

Huyện Yên-lạc thuần là đất chau-thồ như phủ Vĩnh-tường. Dân số được 54.880 người chia ra 8 tổng và 60 xã. Huyện ấy có 9.700 mẫu tây đất giồng giọt được, trong số đó có 7.800 mẫu tây cấy lúa.

c) Huyện Tam-dương

Huyện Tam-dương địa thế rộng nhất tỉnh, một phần lớn là đồi trọc và rừng. Dân số được 31.453 người chia ra làm 10 tổng và 53 làng. Đất giồng giọt được độ 10.400 mẫu tây, nhưng chỉ có 9.600 mẫu cấy lúa. Nhờ có kênh dẫn thủy đào từ năm 1922, 8.000 mẫu tây đất trước kia chỉ giồng khoai đỗ, đến nay mới cấy lúa được.

d) **Huyện Lập-thạch**

Huyện Lập-thạch có giáng một huyện về miền trung-du vì đất chỉ có đồi và rừng. Dân số được 56.672 người. Ruộng 12.300 mẫu tây. Trong số đó có 10.000 mẫu tây cấy lúa. Huyện Lập-thạch có 11 tổng và 70 xã.

e) **Huyện Bình-xuyên**

Dân số huyện Bình-xuyên ít nhất trong tỉnh : có 22.639 người thôi. Huyện có 7 tổng và 83 làng. Số ruộng có 10.900 mẫu tây mà 9.700 mẫu tây cấy lúa. Trong số ruộng đó nguyên ba nhà tư-bản đã chiếm hết 8000 mẫu tây.

f) **Việc cai-trị các phủ, huyện, tổng, xã,**

Việc cai-trị các phủ, huyện, tổng, xã trong tỉnh cũng giống như các nơi khác xứ Bắc-kỳ, nghĩa là phủ có quan Tri-phủ, huyện có quan Tri-huyện cai-trị. Mỗi tổng có một viên Chánh-tổng và một viên phó-tổng, tuần phòng và trông nom đê-diều hàng tổng. Lý-trưởng thì coi sóc việc làng cùng ban bố cho dân biết để tuân theo những mệnh lệnh của Nhà-nước. Mỗi làng đều có một ban hội-dồng tộc-biểu : có chánh-hội, phó-hội, thư-ký, thủ-quỹ, hộ-lại và các tộc-biểu. Những làng to có 1 hay nhiều phó-lý để giúp Lý-trưởng về việc tuần phòng và đê-diều.

Năm phủ huyện tỉnh Vĩnh-yên có 46 tổng, 302 làng theo bảng kê sau này :

Địa hạt	Tổng	Xã	Định-số	Làng		Chú thích
				Thổ	Mán	
Vĩnh-tường	10	86	19.716			
Yên-Lạc	8	60	15.029			
Tam-dương	10	53	7.977			
Bình-xuyên	7	33	5.848	1	5	
Lập-thạch	11	70	14.563			
Tổng cộng	46	302	63.133	1	18	

**B — NGÂN SÁCH**

a) **Ngân sách hàng xã.**

Trong tỉnh Vĩnh-yên có 12 xã có ngân sách còn các xã khác chỉ có một quyền sở để biên các khoản chi thu. Sở có chữ quan địa-phương đánh số và ký tên. Cuối năm do hội-dồng Hương-chính kết toán và hội-dồng kỳ-mục thị-thực. Tiền thu lấy ở các thứ thuế sau này :

- 1.) Tiền công diền, công-thồ.
  - 2.) Tiền cheo, tiền lệ hiếu, vân vân...
  - 3.) Tiền phạt.
- Tiền chi có các khoản sau này :
- 1.) Các việc công-ích.
  - 2.) Các việc cứu tế.
  - 3.) Phu cấp các hương-chức.

Số tiền chi rỗi còn thừa của công-quỹ các xã trong tỉnh ký nộp vào Nông-phố Ngân-hàng.

b) **Ngân sách hàng tỉnh**

Tỉnh Vĩnh-yên cũng có quỹ riêng. Các khoản thu được là tiền phụ-bách-phân về thuế-thân, thuế-diễn, thuế-thỗ-trạch, thuế môn-bài.

Còn số chi là tiền lương viên chức, cùng tiền mua vật liệu dùng trong các công sở và các việc công-tác bản tỉnh.

**C. — HỘI - ĐỒNG HÀNG TỈNH.**

Hàng tỉnh có hai hội-viên tây và 9 hội-viên ta.

Thường-niên có hai kỳ hội đồng. Kỳ hội đồng thứ nhất vào tháng Avril để xét số chi thu năm vừa qua. Kỳ hội đồng thứ hai vào tháng Octobre để xét số dự-toán ngân sách năm sau và bàn những việc công ích nên làm. Kỳ hội đồng nào cũng do quan Chánh Công-sứ chủ tọa, quan Tuần-phủ làm phó chủ-tọa, quan phó Công-sứ làm thư-ký và một viên tham-tá hay phán-sự làm thông-ngôn.

Tỉnh Vĩnh-yên có ba nghị-viện : 1 nghị-viện thương-mại và hai nghị-viện dân-biều.

**D. — CÁC CÔNG - SỞ.**

Tỉnh Vĩnh-yên có các công-sở là :

1º) Công sở thuộc Ngân-sách Đông-dương :

Thương-chính

Bưu-chính

Nông-phố-ngân-hàng

Túc-mẽ-cục

2º) Công sở thuộc Ngân-sách Bắc-kỳ :

Ngạch Quan Pháp

Ngạch khố-xanh

Kiêm-lâm

Học-chính

3º) Công sở thuộc Ngân-sách hàng tỉnh :

Ngạch nam-Quan và Tư-Pháp

Cảnh-sát và đền-lao

Địa-chính

Công-chính

Y-chính

**a) Thương-chính.**

Sở thương-chính ở Vĩnh-yên trước lập ở Bạch-hạc mới thuyền về tinh-ly. Sở này do một viên chức người Pháp quản đốc, có một viên chức người Pháp nữa giúp việc. Dưới quyền hai viên chức ấy có một viên phán sự và năm lính doan. Sở này đánh thuế các hàng hóa như thuốc-lào, muối, rượu, thuốc phiện. Ngoài ra lại còn kiêm soát các ty-rượu, ty-thuốc-phiện.

b) **Bưu-chính**

Tỉnh Vĩnh-yên có hai nhà Bưu-diện : ở tỉnh-ly và ở Tam-dảo.

Cả tỉnh có 6 tá dịch, 1 đội-trạm, 4 linh-trạm và 26 phu-trạm.

Có 6 trạm là :

- |     |               |              |
|-----|---------------|--------------|
| 1º) | Trạm Bạch-hạc | (Vĩnh-tường) |
| 2º) | —             | Vĩnh-tường   |
| 3º) | —             | Lập-thạch    |
| 4º) | —             | Yên-lương    |
| 5º) | —             | Hương-canhh  |
| 6º) | —             | Yên-lạc.     |

c) **Quan cai-trị ngạch Pháp.**

Tỉnh Vĩnh-yên có 2 quan cai-trị người Pháp : quan Chánh-Công sứ là quan thủ hiến trong tỉnh, và quan Phó-Công-sứ. Giúp việc ngài ở tòa-sứ có các viên tham-tá và Phản-sứ người nam.

d) **Ngạch khổ-xanh**

Trong tỉnh có 3 đồn khổ-xanh : ở Vĩnh yên, Tam - đảo, (Tam-dương) và Liên-sơn (Lập-thạch).

Linh khổ-xanh. — Trong toàn tỉnh có 216 viên chức và lính khổ-xanh, kề cả 66 tên lính mới mẻ. Trong số ấy có 3 viên quản, 8 viên đội, 17 viên cai và 196 tên lính, chia ra như sau này :

Tỉnh-ly : 171 ; đồn Tam-dảo : 30 ; đồn Liên-sơn : 15.

Các viên-chức và lính khổ-xanh thuộc quyền quan Giám-binh ở tỉnh-ly. Lại có 3 viên quản khổ-xanh người Pháp giúp việc quan Giám-binh thì một viên giữ việc cảnh sát trong thành-phố, còn hai viên quản-trị hai đồn : Liên-sơn và Tam-dảo.

Linh-cơ. — Trong tỉnh lại có thêm 68 linh-cơ, thuộc quyền quan Tuần-phủ. Trong số ấy có 1 viên quản-cơ, 1 viên đội-cơ, 7 viên cai-cơ và 59 linh-cơ chia ra như sau này :

Tỉnh-ly	:	23 (1 chánh-quản và 1 đội-cơ)
Vĩnh-tường	:	8
Bạch-hạc	:	4
Yên-lạc	:	8
Lập-thạch	:	9
Tam-dương	:	8
Bình-xuyên	:	8

Bạch-hạc không phải là 1 huyện, nhưng vì giáp giới với mấy tỉnh như Phú-thọ, Sơn-tây, địa thế quan trọng nên mới có linh-cơ đóng. Vả lại hạt ấy có nhiều đường giao-thông, nên việc tuần phòng cũng cần-lắp.

Linh Tuần-cảnh thôn-quê. — Vì số lính khổ-xanh và linh-cơ không đủ để kiềm soát sự canh phòng ở thôn quê, nên quan trên đặt ra một cơ linh tuần-cảnh thôn-quê để tiện việc truy nã quân gian. Những hạt Vĩnh-tường, Yên-lạc, Lập-thạch và Tam-dương thì mỗi hạt có 1 người cai và 5 người lính. Còn ở hạt Bình-xuyên thì có 1 người cai và 4 người lính.

Những cai lính đó tuyền trong những lính khổ-dỏ, khổ-xanh hay lính-cơ đã mẫn khóa. Y-phục thi Nhà-nước cấp cho. Mỗi người lại được 1 khầu súng, một cái xe đạp. Lúc cần đến Nhà-nước lại cấp cả cho thuyền bè để tiện việc tuần phòng ở các sông thuộc hạt Vĩnh-tường, Yên-lạc và Lập-thạch.

e) Sở kiềm-lâm.

Ở miền núi Tam-dảo có rừng, cho nên mới đặt hai đồn kiềm-lâm : Ở Tam-dảo và ở Hậu-Phúc.

Đồn kiềm-lâm Tam-dảo có một viên kiềm-lâm người Pháp và 4 lính, đóng ra ba nơi : Cốt 400, Mỹ khê, Cầu linh. Đồn kiềm-lâm này lại trông nom cả việc ương hạt giồng ở Cầu-linh và Cốt — 400, cùng giồng cây thèm ở Cốt — 400 và ở rừng Tam-dảo.

Đồn kiềm-lâm Hậu-Phúc cũng có một viên kiềm-lâm người Pháp và 4 lính ; đóng ra 3 nơi : Ngọc-kỳ, Liên-sơn, Gia-hòa (Lập-thạch).

f) Học-ebính.

Tỉnh Vĩnh-yên có một quan Kiêm-học ở tỉnh-ly quản đốc việc học trong tỉnh. Năm 1939 có 85 trường phân ra như sau này :

7 trường kiêm-bị      28 trường sơ-dâng      50 trường hương-học

Có 64 giáo-viên. Trong số đó có 4 nữ-giáo-viên.

Số học-sinh các trường được : 5.554 thì 3.038 học ở các trường kiêm-bị và sơ-dâng, còn 2.516 học ở trường hương-học.

SỰ CHI-PHÍ VỀ VIỆC HỌC — Năm 1934, chi về việc học hết 33.987\$82. Đến năm 1937 tăng lên 44.127\$57 và đến năm 1938 tăng lên 44.848\$17. Tính đồ-dòng Nhà-nước phải chi cho mỗi tên học trò 15\$00 và cho mỗi trường có một lớp, 466\$00 một năm.

VIỆC KIÈM-SÁT CÁC TRƯỜNG. — Mỗi niên-khoa quan Kiêm-học thân đi xem xét mỗi lớp hai lần. Bất thường lại có quan Thanh-trá người Pháp đi khám nữa.

Hàng tháng hay vào kỳ thi sơ-học-yếu-lược, nhân dịp các giáo-viên ở các nơi về hội họp ở các huyện-ly hay ở tỉnh-ly, quan Kiêm-học thường họp tất cả lại để hiêu-thị về các phương-pháp giáo-khoa. Năm nào ở tỉnh-ly cũng có mở lớp tu-nghiệp cho các hương-sư.

SỐ TRÀNG HỌC TỪNG HẠT. — Phủ Vĩnh-tường có 2 trường kiêm-bị : 1 trường ở Phủ-ly, 1 trường ở Bạch-hạc, ; 8 trường sơ-dâng và 14 trường hương-học.

Huyện Yên-lạc có 1 trường kiêm-bị, 4 trường sơ-dâng và 16 trường hương-học.

Huyện Lập-thạch có 1 trường kiêm-bị, 7 trường sơ-dâng và 9 trường hương-học.

Huyện Tam-dương có 2 trường kiêm-bị : 1 trường con gai và 1 trường con gái ở tỉnh-ly ; 7 trường sơ-dâng và 6 trường hương-học.

Huyện Bình-xuyên có 1 trường kiêm-bị, 2 trường sơ-dâng và 5 trường hương-học.

Ngoài số trường công, tỉnh Vĩnh-yên lại còn có 1 trường tư-thục có 3 giáo viên ở tỉnh-ly, được độ 100 học-trò và 3 trường nhà chung là : Hương-nghĩa (Lập-thạch), Dân-trù (Yên-lạc), Hữu-bằng (Lập-thạch).

Ba trường ấy có 93 tên học-trò.

CÁC TRƯỜNG HỌC. — 7 trường kiêm-bị ở tỉnh Vĩnh-yên là :

- 1º) Trường Nam-học Vĩnh-yên (6 giáo-viên) 2º) Trường Nữ-học Vĩnh-yên (3 nữ-giáo-viên)  
3º) — Hương-canh (5 giáo-viên) 4º) — Lập-thạch (5 giáo-viên )  
5º) — Bạch-hạc (5 — — ) 6º) — Vĩnh-tường (4 — — )  
7º) — Yên-lạc (4 — — )

3 trường sơ-dâng có 2 giáo-viên là :

- 1º) Trường Cao-xá (Vĩnh-tường) 2º) Trường Hoàng-vạn (Tam-dương)  
3º) Trường Bình-xá (Yên-lạc)

25 trường sơ-dâng có 1 giáo-viên là :

Phủ Vĩnh-tường (7 trường). — Hòa-loan, Vân-đỗ, Thượng-trưng, Văn-trưng, Đồng-vệ, Hưng-lục, Yên-cát.

Huyện Yên-lạc, (3 trường). — Giã-bàng, Lưỡng-quán, Đồng-cương.

Huyện Lập-thạch (7 trường). — Lai-châu, Liễn-Sơn, Sơn-cầu, Thác-trục, Tiên-lũ, Đôn-mục, Bạch-lưu.

Huyện Tam-dương (6 trường). — Đồng-dạo, Yên-hạ, Tĩnh-luyện, Tam-dảo, Thanh-vạn, Định-trung.

Huyện Bình-xuyên (2 trường) — Quảng-khai, Yên-lan.

50 trường Hương-học là :

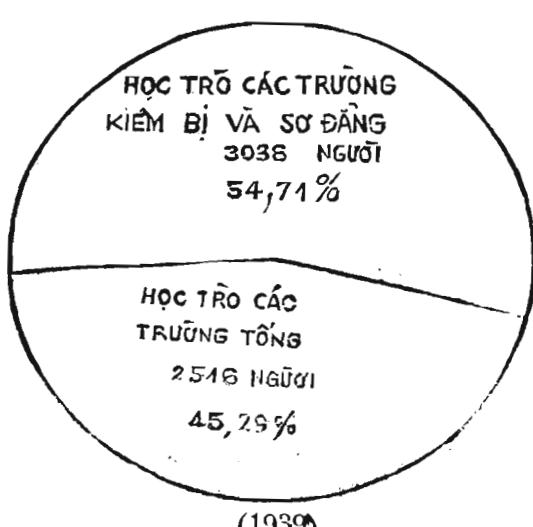
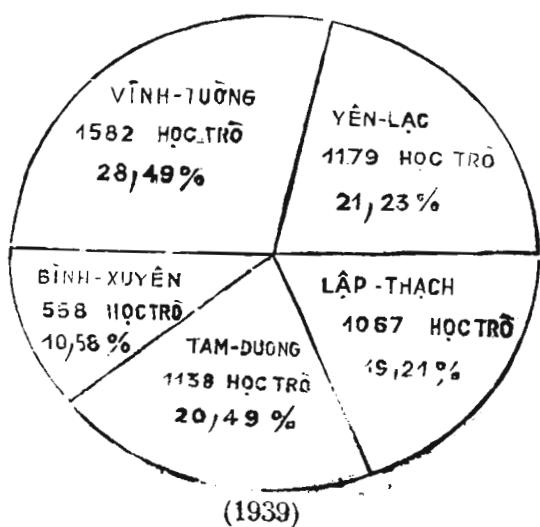
Phủ Vĩnh-tường (14 trường), — Tăng-dổ, Phú-da, Quảng-cư, Cam-giá, Tuần-lộ ; Đồng-viên, Yên-lô, Bàn-mạch Sơn-tang, Phù-chính, Lũng-ngoại, Nghĩa-yên, Hoàng-xá-thượng, Hoàng-xá-Hạ.

Huyện-Yên-lạc (16 trường). — Nhật-chiều, Làm-xuyên, Yên-tâm, Lạc-ý, Tràng-lan, Vân-dài, Đồng-lạc, Xuân-dài, Đại-tử, Địch-dồng, Yên-thư, Đồng-tâm, Yên-lạc, Đại-nội, Phương-nha, Thủ-ich.

Huyện Lập-thạch (9 trường). — Yên-lập, Đại-lũ, Xuân-lôi, Thượng-dat, Phú-hậu, Hạ-ich, Phương-ngạc, Phan-dur, Đức-bắc.

Huyện Tam-dương (6 trường). — Khai-quang, Vân-hội, Quan-dinh, Hoàng-Chuế, Hướng-dạo, Hội-thịnh.

Huyện Bình-xuyên (5 trường). — Vị-thanh, Sơn-lôi, Yên-lô, Lương-câu-cụ, Mộ-dạo.



g) **Tư-Pháp.**

Tỉnh Vĩnh-yên có 6 tòa án sơ-cấp do 5 quan phủ huyện và 1 quan bang-tá làm thàm-phán. Ở mỗi tòa án sơ-cấp lại có 1 viên thừa-phái kiêm chức lục-sự.

Quan Chánh-Công-sứ làm chánh-án thực-thụ. Một quan Bố-chánh làm chánh-án dự khuyết. Làm việc dưới quyền quan chánh-án dự khuyết có 1 viên lục-sự, hai viên thư ký lục-sự và 1 viên thừa-phái. Một quan Tri-phủ tư-pháp sung chức dự-thàm. Dưới quyền quan dự-thàm có 1 viên thư-ký lục-sự và 1 viên thừa-phái.

h) **Cảnh-sát**

Tỉnh-ly Vĩnh-yên dời làm thị-xã từ năm 1937. Có 1 quan ngạch khổ-xanh, người Pháp coi việc cảnh-sát. Một viên phó-quản người Nam, 1 viên đội và 6 linh cảnh-sát giúp việc.

i) **Địa-chính**

Sở Địa-chính tỉnh Vĩnh-yên đặt ra từ năm 1926, có một viên tham-tá chuyên-môn quản đốc, có nhiều viên đặc-diền và thư-ký giúp việc.

Sở Địa-chính trông nom, khám xét những địa-bạ các làng.

j) **Công-chính**

Sở này có một ông kỵ-sư người Pháp đứng đầu, lại có 1 viên giám-thị người Pháp trông nom các kênh dẫn-thủy-nhập-diền. Dưới quyền có các viên phán-sự, các cai và phu lục-lộ. Sở này cốt để trông nom và sửa chữa đường xá, cầu, cống, kênh-ngòi, đê-diều cùng các công sở trong tỉnh. Nguyên việc tu bồi các kênh dẫn-thủy-nhập-diền một năm tỉnh Vĩnh-yên tốn hết 9.000\$00. Các công sở tỉnh Vĩnh-yên trị giá 644.000\$00 không kể các dinh-thự ở Tam-dảo.

k) **Y-tế**

Tỉnh Vĩnh-yên có 1 bệnh-viện ở giữa tỉnh-ly và 4 nhà phát thuốc ở Vĩnh-mô (Yên-lạc), Hương-can (Bình-xuyên), Thò-tang (Vĩnh-tường) và ở Lập-thạch. Bệnh-viện tỉnh-ly có 1 quan Đốc-tờ quản đốc, 6 viên y-tá và 2 linh khán-hộ giúp việc. 4 nhà phát thuốc có 4 viên y-tá trông coi.

Ở tỉnh-ly lại có 1 nhà hộ-sinh cũng ở liền một khu với bệnh-viện. Các làng vẫn cắt người đi học hô-sản để về làng làm « bà-mụ ». Cả tỉnh có độ 40 bà-mụ.

l) **Thú-y**

Việc khám thịt ở tỉnh-ly thi do quan đốc-tơ ở bệnh-viện vì ở tỉnh Vĩnh-yên chưa có quan Thú-y. Việc trông nom súc vật và các chợ trâu bò còn thuộc quyền quan Thú-y ở Phúc-yên.

# Danh sách các làng thuộc tỉnh Vĩnh-Yên

## A - Phủ Vĩnh-Tường

I - Tông Đa-g-Phú	Số đình	5—Thượng-Lập	129
1—Đồng-Phú	163	6—Bach-Hạc	512
2—Hoà-Lạc	72		
3—Dân-Tư	246	V - Tông Đồng-Vệ	Số đình
4—Bản-Giang	194	1—Đồng-Vệ	585
5—Bản-Mạch	476	2—Hoàng-xá-Thượng	219
6—Yên-Xuyên	124	3—Hoàng-xá-Trung	140
7—Cao-Xá	241	4—Hoàng-xá-Hạ	285
8—Đan-dương-Thượng	92	5—Bích-dai	402
9—Đan-dương-Hạ	74	6—Hạ-Chuể	106
10—Văn-Giang	152		
11—Bình-Trù	64	VI - Tông Mộ-Chu	Số đình
12—Vân-Hà	81	1—Mộ-Chu-Thượng	121
II - Tông-thượng-Trung	Số đình	2—Mộ-Chu-Hạ	122
1—Thượng-Trung	625	3—Lũng-Ngoại	441
2—Thọ-Trung	64	4—Đại-Định	368
3—Yên-Nhiên	248	5—Thượng-Thọ	73
4—Yên-Cát	121	6—Bồ-Sao	322
5—Phú-Hạnh	92	7—Lang-Đài	122
6—Bồ-Điền	136	8—Hòa-Loan	326
7—Phú-Trung	171	9—Diệm-Xuân	118
8—Vũ-Gi	190		
9—Phú-Thú	70	VII - Tông Tuân-Lộ	Số đình
10—Huy-Ngạc	146	1—Tuân-Lộ	547
III - Tông Kiên-Cương	Số đình	2—Phù-Lập	220
1—Kiên-Cương	530	3—Phù-Chinh	244
2—Văn-Trung	606	4—Phù-Cốc	51
3—Thể-Trung	118	5—Phúc-Lập	133
4—Vĩnh-Trung	70	6—Quảng-Cư	221
5—Bảo-Trung	93		
6—Cầm-Vực	47	VIII - Tông Lương-Điền	Số đình
7—Đồng-Cương	33	1—Lương-Điền	281
8—Hồi-Cương	116	2—Thô-Tang	884
9—Yên-Thọ	61	3—Sơn-Tang	398
IV - Tông Nghĩa-Yên	Số đình	4—Phong Doanh	219
1—Gia-Cát	71	5—Lạc-Trung	158
2—Nghĩa-Yên	372	6—Đồng-Viên	492
3—Hạc-dinh	143	7—Vân-Ô	212
4—Phú-Yên	379	8—Xuân-Húc	144
		9—Phương-Viên	42
		IX - Tông Tăng-Đỗ	Số đình
		1—Tăng-Đỗ	434

2— Duy-Bình	69	12— Hậu-Lộc	190
3— Hoàng-Xá	148	X - <i>Tổng Hưng-Lực</i>	Số đinh
4— Kim-Đế	244	1— Hưng-Lực	510
5— Cam-Giá	292	2— Yên-Nội	233
6— Phú-Đà	502	3— Vĩnh-Lại-Thượng	144
7— Thủ-Độ	105	4— Yên-Trù	191
8— Bích-Chu	291	5— Sơn-Kiệu	235
9— Yên-Lão	411	6— Nghĩa-Lập	70
10— Kim-Xa	111	7— Yên-Lô	306
11— Xuân-Chiều	155		
<b>b) Huyện Yên-Lạc</b>			
I) <i>Tổng Đồng-Lô</i>	Số đinh	5— Dịch-Đồng	248
1— Đồng-Lô	189	6— Cốc-Lâm	182
2— Tề-Lô	524	7— Thủy-Trung	26
3— Tiên-Mỗ	185	8— Yên-Quán	189
4— Vĩnh-mỗ	1198	V) <i>Tổng-Phương-Nha</i>	Số đinh
5— Lạc-Trung	85	1— Phương-Nha	272
6— Lô-Quỳnh	44	2— Trung-Nha	123
7— Phương-Tri	230	3— Ích-Băng	61
8— Trung-Nguyên	103	4— Phú-Phong	153
II) <i>Tổng Yên-Lạc</i>	Số đinh	5— Dân-Trù	187
1— Yên-Lạc	177	6— Phương-Trù	256
2— Đồng-lạc	154	7— Thủ-Ích	240
3— Báo-Văn	106	8— Yên-Thư	279
4— Hùng-Vĩ	135	9— Dinh-Xá	357
III) <i>Tổng Thu-Xá</i>	Số đinh	VI) <i>Tổng-Vân-Đài</i>	Số đinh
1— Thư-Xá	700	1— Xuân-Đài	442
2— Lũng-Thượng	47	2— Vân-Đài	172
3— Lũng-Hạ	163	3— Tiên-Đài	80
4— Yên-Tâm	206	4— Nghinh-Tiên	355
5— Nho-Lâm	161	VII) <i>Tổng-Lưỡng-Quán</i>	Số đinh
6— Yên-Nghiệp	69	1— Lưỡng-Quán	573
7— Đồng-Mẫu	123	2— Phản-Xa	147
8— Lâm-Xuyên	293	3— Sa-Khoát	68
9— Đồng-Tâm	425	4— Mai-Khé	66
10— Bình-Lâm	77	5— Yên-Ôn-Nội	80
IV) <i>Tổng Hồn-Ngạc</i>	Số đinh	6— Yên-Ôn-Ngoại	119
1— Cung-Thượng	126	7— Trung-Hà	678
2— Đại-Nội	198	8— Tràng-Lan	932
3— Đồng-Cường	453	9— Dương-Cốc	40
4— Lạc-Y	264		

VIII) <i>Tổng-Nhật-Chiều</i>	<i>Số định</i>	5— Trung-Yên	88
1— Nhật-Chiều	789	6— Cồ-Nha	48
2— Đại-Tự	801	7— Cầm-Hà	137
3— Cầm-Trạch	143	8— Tử-Hạ	55
4— Cầm-Viên	102		

c) Huyện Lập-Thạch

I) <i>Tổng-Thượng-Đạt</i>	Số đinh	V) <i>Tổng Đông-Mật</i>	Số đinh
1— Liễn-Sơn	234	1— Đông-Mật	587
2— Bàn-Giản	217	2— Quan-Tử	928
3— Phú-Thọ	77	3— Phú-Thị	414
4— Thượng-Đạt	281	4— Phú-Hậu	410
5— Thản-Sơn	56	5— Triều-Đông	26
6— Ngọc-Liễn	71		
II) <i>Tổng-Đạo-Ký</i>	Số đinh	VI) <i>Tổng Đại-Lương</i>	Số đinh
1— Đỗng-Đạo	61	1— Đại-Lương	39
2— Lương-Quế	66	2— Hữn-Púc	45
3— Thuỷ-Điền	50	3— Đồng-Định	45
4— Nhạo-Sơn	90	4— Sen-Hồ	216
5— Thụy-Sơn	47		
6— Sơn-Cầu	55	VII) <i>Tổng Nhân-Mục</i>	Số đinh
7— Hồng-Văn	28	1— Nhân-Mục	345
8— Như-Sơn	154	2— Đôn-Mục	349
9— Bình-Sơn	131	3— Đại-Nội	117
III) <i>Tổng Sơn-Bình</i>	Số đinh	4— Phương-Ngạc	318
1— Sơn-Bình	386	5— Khoaan-Bộ	73
2— Phan-Lãng	162	6— Nhân-Lạc	99
3— Đại-Đè	700	7— Lãng-Sơn	104
4— Lai-Châu	278	VIII) <i>Tổng Bạch-Lưu</i>	Số đinh
5— Triệu-Xá	315	1— Bạch-Lưu-Hà	494
6— Phan-Dư	640	2— Bạch-Lưu-Thượng	39
IV) <i>Tổng Yên-Xá</i>	Số đinh	3— Hải-Lựu	31
1— Yên-Xá	274	4— Yên-Thiết	51
2— Yên-Lập	549	5— Quang-Viễn	53
3— Đức-Bác	552	IX) <i>Tổng Hạ-Ích</i>	Số đinh
4— Dương-Thọ	99	1— Hạ Ích	296
5— Thượng-Yên	118	2— Tiên-Lữ	584
6— Lập-Thạch	185	3— Đại-Lữ	716
7— Yên-Tĩnh	215	4— Xuân-Đán	80
8— Yên-Lương	270	5— Xuân-Lôi	438
9— Thiều-Xuân	59	6— Hoàng-Chung	288

X) <i>Tổng Hoàng-Chỉ</i>	Số định	XI) <i>Tổng Tử-Du</i>	Số định
1— Bàng-Hoàng	133	1— Tử-Du	98
2— Tùy-Sơn	48	2— Bản-Lập	54
3— Quảng-Cử	35	3— Thạc-Trục	179
4— Dương-Chỉ	68	4— Gia-Hòa	67
5— Yên-Mỹ	35	5— Bản-Hậu	91
6— Sơn-Kịch	23	6— Bồ-Tỉnh	40
		7— Xuân-Trạch	36
<b>(d) Huyện Tam-Dương</b>			
I) <i>Tổng Định-Trung</i>	Số định	2— Long-Trí	150
1— Định-Trung	228	3— Lai-Sơn	143
2— Nhân-Mỹ	148	4— Thuỷ-Yên	86
3— Khai-Quang	241	5— Thanh-Vân	120
4— Xuân-Tràng	43	6— Cầm-Trạch	24
5— Bảo-Sơn	97		
6— Hán-Nữ	166	VI) <i>Tổng Hội-Hợp</i>	Số định
7— Đôn-Hậu	32	1— Hội-Hợp	495
8— Tích-Sơn	170	2— Đông-Đạo	299
II) <i>Tổng Hoàng-Chuế</i>	Số định	VII) <i>Tổng Bình-Hòa</i>	Số định
1— Hoàng-Chuế	237	1— Bình-Hòa	222
2— Phú-Vinh	216	2— Yên-Lập	119
3— Thư-Lâu	151	3— Yên-Hà	318
4— Đan-Trì	138	4— Điền-Trù	85
5— Hoàng-vân	572	5— Hướng-Đạo	168
6— Duy-Hàn	147	6— Bảo-Chúc	34
		7— Yên-Thượng	157
III) <i>Tổng Miêu-Duệ</i>	Số định	VIII) <i>Tổng Tĩnh-Luyện</i>	Số định
1— Miêu-Duệ	55	1— Tĩnh-Luyện	278
2— Hữu-Thủ	22	2— Lũng-Hữu	66
3— Bảo-Phác	70	3— Phù-Liễn	268
4— Hạ-Nậu	41	4— Tân-Lũng	71
5— Cửu-Yên	57	5— Phản-Thạch	212
6— Dị-Nâu	44		
IV) <i>Tổng Quan-Ngoại</i>	Số định	IX) <i>Tổng Yên-Dương</i>	Số định
1— Quan-Ngoại	78	1— Yên-Dương	30
2— Quan-Nội	82	2— Đạo-Chù	114
3— Quan-Định	132	3— Vĩnh-Ninh	26
4— Đại-Điền	173	4— Bồ-Lý	42
5— Văn-Phảm	15		
6— Sơn-Định	75	X) <i>Tổng Hội-Hạ</i>	Số định
V) <i>Tổng Đạo-Tú</i>	Số định	1— Hội-Thịnh	296
1— Đạo-Tú	107	2— Vân-Hội	142
		3— Trần-Yên	63

XI) <i>Tỉnh-Lý</i>	<i>Số định</i>	3— <i>Vĩnh-Thành</i>	130
1— <i>Đồng-Thái</i>	216	4— <i>Đắc-Thú</i>	63
2— <i>Vĩnh-Thịnh</i>	98	5— <i>Sơn-Cao</i>	68
<b>e) Huyện Bình-Xuyên</b>			
I) <i>Tổng Sơn-Lôi</i>	<i>Số định</i>	V) <i>Tổng Quất-Lưu</i>	<i>Số định</i>
1— <i>Sơn-Lôi</i>	480	1— <i>Quất-Lưu</i>	206
2— <i>Bá-Cầu</i>	167	2— <i>Vị-Trù</i>	91
3— <i>Lương-Câu-Nghĩa</i>	74	3— <i>Vị-Thanh</i>	375
4— <i>Lương-Câu-Cụ</i>	94	4— <i>Nội-Phật</i>	117
5— <i>Hữu-Bằng</i>	115	5— <i>Ngoại-Trạch</i>	56
II) <i>Tổng Bá-Hạ</i>	<i>Số định</i>	VI) <i>Tổng Tam-Lộng</i>	<i>Số định</i>
1— <i>Bá-Hạ</i>	259	1— <i>Tam-Lộng</i>	44
2— <i>Đế-Hiên</i>	33	2— <i>Gia-Du</i>	38
III) <i>Tổng Thiện-Kế</i>	<i>Số định</i>	3— <i>Cam-Lâm</i>	49
1— <i>Thiện-Kế</i>	79	4— <i>Lưu-Quang</i>	86
2— <i>Bắc-Kế</i>	56	5— <i>Xá-Hưng</i>	77
3— <i>Trung-Mầu</i>	36	VII) <i>Tổng Xuân-Lãng</i>	<i>Số định</i>
4— <i>Quảng-Khai</i>	40	1— <i>Xuân-Lãng</i>	186
5— <i>Bảo-Sơn</i>	80	2— <i>Yên-Lan</i>	661
IV) <i>Tổng Hương-Canh</i>	<i>Số định</i>	3— <i>Lý-Hải</i>	98
1— <i>Hương-Canh</i>	316	4— <i>Lý-Nhân</i>	87
2— <i>Ngọc-Canh</i>	246	5— <i>Hợp-Lễ</i>	175
3— <i>Tiên-Hường</i>	319	6— <i>Can-Bi</i>	205
4— <i>Yên-Lỗ</i>	334		
5— <i>Mộ-Đạo</i>	494		

## MỤC THỨ BA

# VĨNH - YÊN - KINH - TẾ

### 1<sup>o</sup>) — ĐƯỜNG GIAO-THÔNG

#### a) Đường bộ

Trong tỉnh có tất cả : a) 56 cây số đường nhựa thì 33 cây số thuộc về con đường thuộc địa số 2 và 23 cây số là đường VĨNH-YÊN lên Tam-dảo.

b) 277 cây số đường hàng tinh trong đó có : 31 cây số đường lát đá, 100 cây số đường đất có thể đi ô-tô trong mùa không mưa, và 146 cây số đường gỗ ghề, không đi ô-tô được.

#### b) Đường thủy

Đường thủy ít hơn đường bộ : có 1 quãng 25 cây số sông Hồng-hà ; 1 quãng 36 cây số sông Lô-giang ; sông Phó-day (40 cây số) ; sông Máng từ Liêng-sơn đến Bạch-hạc (26 cây số) và Đàm Vạc.

#### c) Đường hỏa-xa

Đường xe-lửa Hanoi — Vân-nam-Phủ, của Công-ty Vân-nam, chạy qua địa-phận tỉnh VĨNH-YÊN, một quãng 28 cây số.

Trong quãng ấy có các ga chính như sau này :

Hương-canhh VĨNH-YÊN, Hướng-lại và Bạch-hạc. Mỗi ngày có 8 chuyến tàu qua lại là 4 chuyến ngược và 4 chuyến suôi.

### 2. — CANH NÔNG

Diện-tích đất có thể cày cấy được chiếm gần một nửa diện-tích toàn tỉnh : 59.958 mẫu tây.

Lúa và ngô là hai thứ giống nhiều hơn cả.

Các thứ hoa màu khác là : đậu nành, đậu đen, kê, khoai sọ, khoai lang, sắn, trầu không, cau, cà ghém, hành, dưa chuột, cà chua, nhãnh, mía, rứa, lạc, thầu dầu, vừng, chè v.v...

#### a) Lúa

Theo tờ trình về tình-hình kinh-tế năm 1938, có độ 15.500 mẫu tây cấy lúa chiêm và 36.968 mẫu tây cấy lúa mùa. Vụ tháng năm sản suất độ 223.914 tạ thóc, vụ tháng mười độ 379.400 tạ.

Mỗi năm dân trong tỉnh ăn dùng độ 550.000 tạ còn có thể bán ra ngoài được hơn 47.000 tạ. Lúa nếp bán chạy lắm. Người ta đóng đùng cất rượu.

Xem bản tống-kê sau đây về việc cấy lúa trong năm năm vừa qua thì rõ :

Tình hình sự cấy lúa trong những năm : 1934, 1935, 1936, 1937 và 1938.

(trích ở tờ trình về tình hình kinh-tế trong tỉnh)

Năm	Vụ	Diện tích đất cấy lúa	Sản suất	Giá trung bình	Có thể bán ra ngoài
1934	Vụ	15.810 mẫu tây	211.358 tạ	1\$70	8.823 tạ
1935		15.764 »	223.186 »	2, 00	3.722 »
1936	tháng	15.764 »	223.228 »	2, 00	1.662 »
1937		15.090 »	204.482 »	4, 50	8.199 »
1938	năm	15.500 »	223.914 »	6, 90	5.779 »
1934	Vụ	37.007 »	464.059 »	2, 20	47.999 »
1935		36.968 »	459.907 »	2, 20	75.535 »
1936	tháng	36.968 »	444.802 »	4, 00	52.644 »
1937		36.974 »	402.483 »	6, 00	26.568 »
1938	mười	36.968 »	379.400 »	5, 30	42.100 »

b) Ngô

Ngô giống ở dọc sông Hồng-hà, sông Lô-giang và sông Phó-dáy ; Nhờ có phù-sa các sông ấy bồi lên nên tốt lắm.

Trong các hạt : Bình-xuyên, Tam-dương và Lập-thạch cũng có giống ngô nhưng không được như ý.

Bảng sau này chỉ tình hình sự giống ngô trong 5 năm vừa qua :

(trích ở tờ trình về tình hình kinh-tế trong tỉnh)

Năm	Diện tích đất trồng ngô	Sản suất	Giá trung bình 1 tạ	Có thể bán ra ngoài
1934	4.328 mẫu tây	40.059 tạ	3\$20	
1935	4.672 »	47.612 »	2, 50	
1936	4.374 »	38.790 »	5, 50	2.652 tạ
1937	4.427 »	39.230 »	7, 20	2.530 »
1938	3.417 »	38.350 »	7, 35	3.631 »

3. — DÂN THỦY NHẬP ĐIỀN.

Công cuộc dân-thủy nhập-diền là một cái ơn to nhất mà chính-phủ Bảo-hộ ban cho nhà-nông ở đây.

Riêng dàn tỉnh Vĩnh-yên nhờ cái ơn ấy. Nhờ có máng dân-thủy từ năm 1922, 14.000 mẫu tây ruộng đã có thể cấy được cả hai vụ. Một cái đập giữ nước dài 102 thước, xây ở Liên-son, dùng để lấy nước sông Phó-dáy và phân phát đi các máng.

Ở hữu-ngạn sông Phó-dáy, một sông máng chính dài 16 cây số có thể dân nước cho 1.000 mẫu tây ruộng.

Ở tả ngạn sông ấy cũng có một sông máng chính dài 50 cây số có thể dẫn nước cho 18.000 mẫu tây ruộng.

Ở địa hạt Vĩnh-yên có 91 cây số máng và lạch nước. Ở địa hạt Phúc-yên có 21 cây số lạch và máng và gần 1.000 cây số lạch nhỏ.

Có 35 cống thoát nước (kè).

98 cầu vừa to vừa nhỏ,

10 ống nước mà một cái dài 200 thước, đường kính 2 thước 10.

13 đập giữ cho mực nước đều,

20 thủy-lộ

Mới đây (1937) Nhà-nước làm thêm 3 chiếc cầu nhỏ ở Yên-trù, Sơn-tang và Bich-trù, trong số đó hai chiếc làm bằng bê-tông cốt sắt,

Công cuộc dẫn-thủy-nhập-diễn khởi công từ năm 1914, đến năm 1922 mới hoàn thành, phi tốn hết 1.500.000 đồng.

Hàng năm Chính-phủ lại còn tiêu tốn hàng nghìn đề sửa sang và giữ gìn sông máng ấy. Như năm 1937, tiêu tới 9.000 đồng, năm 1938 7.000 đồng.

Nhân viên trông coi về sông máng gồm có 1 viên giám-thị người Âu, 7 người cai và 25 cu li coi kè.

#### 4. — MỤC SỨC.

Việc chăn nuôi trâu bò không được phát đạt lắm. Các trại dồi có vẻ xanh tốt nhưng thực ra không đủ cỏ để nuôi súc vật.

Lợn và vịt nuôi được nhiều, có thể dùng cho dân,

#### 5. — ĐỒN ĐIỀN.

Trong tỉnh có nhiều đồn điền to tát, rộng hàng mấy ngàn hoặc mấy trăm mẫu của người Âu và người Tầu.

##### a) Đồn điền của người Tầu:

Những người nổi nghiệp A-Hion có : 6.734 mẫu.

##### b) Đồn điền của người Âu:

Ông Riner có ở Bắc-bình, Bồ-lý, Sơn-kịch, Yên-dương và Hữu-phúc : 1520 mẫu tây (cấy lúa và ngô.)

Ông Rivière có ở Quảng-cư : 94 mẫu tây (cấy lúa)

Ông Butreau có ở Đại-dịnh, Cao-xá, Dương-chỉ, Tùy-sơn, Sơn-kịch, Quảng-cư, Liễn-sơn. Hữu-phúc và Bàng-hoàng : 172 mẫu tây (cấy lúa)

Ông Arnaud có ở Cửu-yên và Quan-nội : 294 mẫu tây (cấy lúa và giống rứa).

Ông Duron có ở Cam-Lâm : 74 mẫu tây (cấy lúa)

Ông Wlody có ở Quảng-cư : 3 mẫu 59 sào tây.

Công-ty canh-nông Bình-di có : 423 mẫu trong số đó : 101 mẫu cấy lúa và giống cà-phê.

Công-ty diễn-thờ Trung-Bắc-Kỳ có ở Gia-du, Phúc-hải, Sá-hưng và Trung-mầu ; 480 mẫu tây (cấy lúa).

Sở quản-thủ điền-thổ có ở Cam-lâm, Đòn-hậu, Vị-trù, Vị-thanh, Quất-lưu, Vĩnh-ninh, Đạo-trù, Vạn-phảm và Sơn-dình : 899 mẫu tây (cấy lúa)

c) **Đỗn đền của người Nam :**

Của các ông :					
Đỗ-dinh-Thuật	3.874	mẫu	Nguyễn-văn-Thảo	100	mẫu
Trần-viết-Soạn	2.000	—	Phạm-gia-Thuy	187	—
Đỗ-dinh-Tiến	1.066	—	Nguyễn-văn-Hiếu	100	—
Lê-thuận-Khoát	220	—	Nguyễn-đức-Thiệp	161	—
Trần văn-Tuy	276	—	Lê-văn-Đào	190	—
Phạm-qúy-Chương	162	—	Lê-Hứa	120	—
Tù-bộ-Thực	113	—	Lê-thị-Cả	300	—
			Trần-minh-Thu	110	—

6 — RỪNG.

Rừng rú chiếm tới 1.942 mẫu tây đất trong tỉnh. Hai dãy Núi-Lang và Tam-dảo là nơi có nhiều rừng. Gỗ tốt dùng làm đồ-đạc rất ít, chỉ nhiều gỗ xoàng, dùng làm cùi mà phần nhiều là dân trong tỉnh dùng và đốt than tải về bán ở miền Trung-châu.

Ở Cốt, 400, đường lên Tam-dảo người ta đang thi-nghiệm giồng thêm cây vào rừng.

7 — CÔNG-NGHỆ

Tỉnh Vĩnh-yên không có công-nghệ gì to-tát ; chỉ có nghề kéo mạt, làm đường và nghề làm đồ gốm là đáng chú ý hơn cả.

Ở làng Vĩnh-mô có nghề làm ghẽ mây ; ở Bản-mạch-Thượng, Bích-chu (Vĩnh-tường) Triệu-xá (Lập-thạch) và Lưỡng-quán (Yên-lạc) có nghề dán rồ, rá, dần, sàng ; ở Phù-thị (Lập-thạch) có nghề làm nước mắm ; ở Hương-canhh (Bình-xuyên) có nghề đúc lưỡi cày và làm đồ gốm ; ở Lũng-hạ (Yên-lạc) có nghề làm ghẽ mây ; ở Bích-chu, Văn-đô và Xuân-húc (Vĩnh-tường) có nghề dán nong, nia, đóng cối và làm đồ đánh cá ; ở Nghinh-tiền (Yên-lạc) có nghề ván trạc (thùng) ; ở Đồng-đạo (Tam-dương) có xưởng làm nón và áo tơi bằng lá gõi ; ở Tè-lô (Yên-lạc) có xưởng làm đồ dán ; ở Định-trung (Tam-dương) có nghề làm nồi đất.

8 — THƯƠNG-MẠI.

Tỉnh Vĩnh-yên bán ra ngoài nhiều : lúa, gạo, ngô, rứa, mạt-mía, mạt-ong, gà, vịt, nước-mắm, than gõ, gõ đóng đồ, dầu thầu-dầu, ghẽ mây, đồ dán và đồ gốm.

Tỉnh mua ở ngoài vào : tơ lụa, thuốc lào, đồ gia-vị, tóm lại là thực-phẩm và các đồ thường dùng cho dân.

Các nơi giao-dịch chính là các chợ : ở Tỉnh-ly, ở Thô-tang (Vĩnh-tường) ở Hương canhh (Bình-xuyên), Chợ-Me (Tam-dương), Chợ-Lô (Yên-lạc) Chợ-Gõm (Lập-thạch) và Chợ Bách-hạc.

Ở tỉnh-ly có chợ trâu bò.

Trong tỉnh có nhiều đường giao-thông tốt như các đại-lộ, và các ngòi lạch cho nên dễ vận-tải các sản-vật đến các chợ Bách-hạc, Việt-trì, Vĩnh-yên và Hương-canhh.

Tải sản vật ra ngoài tỉnh thì do sông Cái, đường-cái, nhất là do đường xe-lửa.

MỤC THỦ TƯ:

## VĨNH-YÊN CỒ-TÍCH VÀ THẮNG CẢNH

### 1. — NƠI DANH THẮNG

#### a) Tam-dảo.

Tam-dảo là một nơi nghỉ mát, ở phía Đông-bắc tỉnh Vĩnh-yên, cách tỉnh-lỵ 23km700.

Nơi nghỉ mát này đặt ra từ năm 1902. Đường lên Tam-dảo là một con đường giải nhựa, đi ô-tô rất tiện. Mùa nghỉ mát từ 15 tháng 5 tây đến 15 tháng 10 tây.

Tam-dảo cao ngót 1.000 thước tây. Giữa mùa viêm-nhiệt mà khí hậu cũng dịu dàng mát mẻ (22 độ), rất thích hợp cho người lớn, trẻ con. Phong-cảnh thì tuyệt đẹp. Kìa dinh quan Toàn-quyền, nguy-nga trên một ngọn núi; nọ khách sạn « Cascade d'argent » đồ sộ. Ngót 80 biệt-thự đủ kiểu mới, lạ, chập chùng trong đám cây xanh. Trong vườn hoa trẻ con đua rộn, trông đẹp đẽ, xinh xắn như những « Búp-bê ». Bề bờ nước trong veo, người lớn trẻ con vùng vẫy. Một cái hồ nước xanh ngắt trông chẳng khác tấm gương to, « Xuối bạc » (Cascade d'argent) một cái xuối nước chảy vào những mỏm đá, tóe lên trắng như bạc, quanh co, uốn khúc, ở trên cao đồ xuống ba nơi giài hơn 100 thước. Rẽ vào những bụi cây im lặng như tờ, ta cảm thấy mát mẻ lạ lùng. Ngồi trên những cái lầu xây trên mỏm núi mà nhìn xuống thì ta được xem những bức tranh sơn thủy đẹp đẽ vô cùng: cây cối xanh um, giòng nước quanh co trắng xóa, những ngọn đồi vàng nhạt nỗi trên những khu ruộng màu nâu.

Cảnh-trí Tam-dảo đẹp như thế nên hàng năm, có hàng trăm người Âu-lên nghỉ mát. Ngày 14 juillet và ngày 15 Août là những ngày mở hội.

Tam-dảo đến bây giờ cũng đã đẹp lắm rồi. Nhưng Nhà nước vẫn xửa xang, tu bồ cho đẹp thêm lên. Vì cảnh đẹp, khí hậu tốt, những ngày hội tổ chức được vui vẻ, nên số người lên nghỉ mát mỗi năm một đông hơn. Vĩnh-yên có thể lấy làm hân hạnh đã có một nơi nghỉ mát như Tam-dảo.

#### b) Đập Liễn-sơn (1).

Đập Liễn-sơn cũng là một nơi thắng cảnh. Đập ấy thuộc về huyện Tam-duong, cách huyện-lỵ độ 19 cây số. Đập xây trên sông Phó-dáy, cách kiến-trúc trông có vẻ dản-dị nhưng rất tài-tinh. Dưới đập, một làn nước trong veo rộng 150 thước, chảy ở đập xuống giòng sông như reo hò vui vẻ. Trên làn nước, trông tránh vài chiếc thuyền nan. Mấy bác ngư-phủ, bộ ngực nở nang, nước da cháy xém như đồng, đang thả lưới quăng chài. Thỉnh thoảng một con cá trắng như bạc nhảy vọt lên mặt nước... rồi lại biến ngay. Đứng trên đập phóng tầm con mắt ra xa, khách tha-phương tha hồ ngắm một bức tranh bao la rộng rãi. Phía bắc, dãy núi Tam-dảo xứng xứng như một bức thành lõm chõm. Phía Tây-bắc, dãy Núi-lang in trên trời xanh một cái hình xám xám. Xung quanh, đồi núi chập chùng, xen vào giữa những đám ruộng màu nâu. Trên đồi cây cối chi chít, màu xanh thẫm lẫn với màu vàng nhạt. Xa xa, trong bụi cây, ẩn hiện mấy nóc nhà tranh, phất phơ một làn khói bạc.

Đập Liêng-sơn hợp với cảnh-trí xung quanh thành một cảnh tượng trong đó nhàn-công và thiên-công đã khéo hòa hợp mà tò điếm nèn.

(1) Về phương diện ích-lợi về nông-phố, xin xem ở mục thứ 3 (Dân-thủy nhập-diền).

## 2. — NHỮNG NƠI SĂN BẮN

Ở miền bắc huyện Bình-xuyên, huyện Tam-duong và huyện Lập-thạch có nhiều gà gô và rẽ. Ở miền chân núi Tam-dảo và một phần lớn huyện Lập-thạch có hươu nai nhưng cũng ít. Gà rừng thường có ở miền bắc huyện Tam-duong và huyện Lập-thạch. Ở phía nam, về mùa đông, ở các đồng lầy có ngỗng và vịt giời.

## 3. — LINH TƯ

### a) Đền Bắc-cung

Tổng Thư-xá và tổng Đông-lô thuộc về huyện Yên-lạc thờ chung ngôi đền Bắc-cung, thường gọi là đền Thịnh. Đền ở về xã Thư-xá, thờ đức Tân-viên-sơn-thần.

Tục truyền rằng: một hôm đức Thánh-Tản đi chơi đến đấy, cắm xuống đất cái gậy tiên của ngài rồi từ đó chồ ấy thành ra linh-dịa. Vì thế dân sự lập đền thờ gọi là đền Bắc-cung. Các triều-vua đều hạ chiếu bắt hai tổng Thư-xá và Đông-lô phung sự.

Năm Thành-Thái thứ mươi hai (1900) quan Huyện sở-tại sai sửa sang lại. Đến năm Duy-Tân thứ năm (1911) hương-lý lại trùng tu một lần nữa. Năm Khải-dịnh thứ hai (1919) xây cái Tam-quan. Năm Khải-dịnh thứ bảy (1923) lại sửa sang lại. Nay giờ đền Bắc-cung gồm đền chính có ba cấp; mỗi cấp ba gian; cấp thứ nhất liền với án tiền dề tế lễ. Sát với án-tiền là cái lục-lăng theo kiểu chồng-diêm-côđảng. Hai bên đền chính là hai dãy hành-lang để khách thập-phương chúc chán và sửa lễ. Đầu hai dãy hành-lang ra đằng trước có 2 cái gác đối nhau: 1 cái là gác chuông, trong treo quả chuông chiều cao 70 phân tây, đường kính dài 40 phân tây, đúc ngày 24 tháng chạp năm Duy-Tân thứ năm (24-3-1911); 1 cái là gác trống, trong treo một cái trống đường kính dài 50 phân tây, chiều cao 60 phân tây; gác chuông và gác trống xây liền với cổng vào, có ba cửa tức là « tam-quan ». Ở tường bên phải tam-quan, dựng tấm bia đá kỷ niệm ngày lập đền và các ngày tu-bồ lại. Quan nguyên Tuần-phủ Nguyễn-văn-Bản dựng bia ấy về tháng chạp năm Khải-dịnh thứ 7 (février 1923). Đền Bắc-cung rất đông khách lễ bái, nhất là về mấy tháng xuân.

### b) Đền Quốc-mẫu

Làng Yên-lan, tổng Xuân-lăng, huyện Bình-xuyên có ngôi đền thờ Quốc-mẫu và năm đức thánh Áp-lang. Sự tích như sau này:

Con cháu vua Hùng-duệ-Vương (258 trước Thiên Chúa giáng-sinh) hiệu là Khoan-hòa-thánh-Mẫu, nhan-sắc tuyệt vời, kết duyên cùng vua Vệ-Dương-Vương nhà Triệu, làm thứ-phi nhưng không có con. Khi ấy nhà Triệu suy, vua Hán-võ-Đế bên Tầu sai đem binh sang đánh nước Nam bắt vua Duệ-Vương đem về Tầu. Thứ-phi chốn thoát và ẩn ở chùa Quang-hựu, làng Chu-lăng, huyện Chu-diên, tức là chùa Quang-hựu làng Yên-lan, huyện Bình-xuyên bây giờ. Được hai năm, một đêm Thứ-phi vừa tắm ở giếng gần chùa xong,

mơ thấy một ông thần mặc triều-phục ở trên trời xuống và nói rằng : « Ta là thần Áp ở vùng này, tiếc không gặp nàng từ trước. » Rồi hai người chung chạ phượng-loan. Lúc tỉnh dậy, Thủ-phi biết có thần phủ và từ đó thụ thai Đầu tháng sinh ra 5 quả trứng, mỗi ngày một lớn rồi 30 ngày sau nở ra năm người con trai. Thủ-phi đặt tên là Áp-lang. Năm người con đều tài cao học rộng. Hưởng thọ được 60 tuổi thì Thành-mẫu qui-tiền, an-táng ở đồi Minh-Hương. Gần chùa Quang-hựu bây giờ còn nấm.

Năm ông Áp-lang sau này theo phò vua Trưng-nữ-Vương đánh quân Tầu và làm đại-thần Triều-Trung (40 à 43); khi hai bà Trưng bị Mã-Viện đánh thua, nhảy xuống sông thì năm ông đi tìm xác về táng ở núi Hy-Sơn, phủ Lâm-thao, tỉnh Phú-thọ.

### c) Đền Tây-Thiên

Trên ngọn cao nhất trong ba ngọn núi Tam-dảo có một ngôi đền rất đẹp, gọi là đền Tây-Thiên, thờ đức Trụ-Quốc-mẫu-Thái-Phu-Nhân, sự tích sau đây :

Về đời Hùng, vua Hùng-Triệu, (258 trước Thiên-chúa giáng-sinh) không có con trai. Ngài đến dấy cầu tự, lúc về gặp một người con gái ở chân núi, vua bèn đem về kinh, phong làm cung-phi. Một năm sau cung-phi sinh ra vua Hùng-nghi. Sinh xong ngài liền để lại mấy lời vĩnh biệt, trở về núi cũ rồi hóa. Tục truyền rằng nét bàn tay ngài còn in rõ trên một tảng đá.

Về sau, vua Hùng-Nghi sai lập đền thờ và xây bậc đá qua chín ngọn suối, dài độ 8, 9 cây số từ chân núi đến ngọn núi.

Trên núi một ngôi đền oai nghi, trong bão không-khi huyền-ảo, giữa đám cỏ lạ hoa thơm. Phong-cảnh thần-tiên u-tịch, tiếng suối reo róc rách sen lân tiếng chuông chiêu-mộ, khiến khách thập-phương dem lòng kính cẩn, đi đứng trang nghiêm. Về mùa xuân không lúc nào người lên vãng cảnh.

Hành-trình có hai lối. Lối thứ nhất đi qua các làng Tĩnh-luyện, Vạn-phảm, Đại-diễn, và Sơn-dịnh. Lối này theo con đường rừng hẹp và dốc lắm, thỉnh thoảng có bậc và qua chín ngọn suối. Từ Tĩnh-luyện đến đền, đường dài độ 8, 9 cây số, đi độ 4 giờ.

Lối thứ hai đi qua chỗ nghỉ mát Tam-dảo đến Thạch-bàn rồi xuống đền. Đường đi cũng bằng lối trên, song dễ đi hơn.

### d) Đền Ao-Bạch

Ở làng Long-trì, huyện Tam-duong, có một ngôi đền nhỏ kiều thường, xây trên một trái đồi, cây cối um tùm; sau đền, dưới chân đồi có một cái ao gọi là Ao-Bạch. Nhiều người nói rằng: dưới ao có nhiều cây gỗ đã lâu đời nhưng không mục; những người đánh cá cũng thấy vậy.

Ngôi đền không có gì là mỹ-thuật cả, song lạ vì thần-tích đền ấy.

Về cuối đời Hùng-Vương thứ 18 (258 trước Thiên-Chúa giáng-sinh) có một nhà, chồng là Lã-trọng 50 tuổi, vợ là Bạch-thị-Cần 40 tuổi mà chưa có con. Hai vợ chồng nuôi cháu là Lã-công làm con nuôi. Một hôm người vợ nằm mê nuốt một quả chứng và thấy một con giồng trắng bò lại với bà. Từ đó bà thụ thai và đến mồng chín tháng chín sinh ra ba người con, diện mạo khôi ngô, thông minh dĩnh-ngộ, lên ba

tuổi đã biết phép tắc. Ba người ấy tên là Đệ-nhất-Lạc, Đệ-nhị-Lạc, Đệ-tam-Lạc. Đến 7 tuổi đi học, đến 13 tuổi đã nức tiếng về võ-nghệ. Khi 15 tuổi thì Lã-Trọng và Bạch-Thị cùng mất. Đoan tang, Lã-Công sang giúp vua Tàu làm quan đến Thừa tướng.

Ba anh em Lạc vẫn đi lại với Lã-Công được phong làm Đô-Thống. Về sau 4 người cùng giúp vua Triệu-Đà (217 trước Thiên-chúa giáng-sinh).

Đến đời vua Triệu-ai-Vương (112 trước Thiên-chúa). Bà Cù-Hậu không biết lễ-nghĩa, vua Tàu giận, sai Thiếu-Quý vời vua Ai-Vương về triều bái...

Thiếu-Quý tư thông với Cù-Hậu và định đem nước Nam phu thuộc về Tàu. Ông Lữ-Gia ngăn không được, cùng với 3 Đô-Thống giết Ai-Vương, Cù-Hậu và sứ Tàu, rồi lập vua Vệ-dương-Vương lên ngôi. Sau vua sai ba anh em Lạc đi dẹp loạn, an dân. Một hôm đi đến làng Long-trì thuộc huyện Tam-dương, thấy phong cảnh sinh đẹp bèn cắm trại ở đó. Dân cư xung quanh đem dâng nhiều trâu bò và xin đến lúc chết lập đền thờ.

Ba ông nhận lời và cho duệ-hiệu : « Tam-Vị-Đương-Tiền-Lộ-Tướng-Quân »

Vào trung-tuần tháng hai, Gia-Công sai ba ông lên Ngũ-Lĩnh (Quảng-đông, Quảng-tây), để cản giặc Hán. Thế giặc mạnh quá nên ba ông bị mất đầu nhưng vẫn ngồi trên mình ngựa mà về đến Ao-Bạch. Gặp bà lão, ba ông hỏi : « mất đầu rồi còn sống được không ? » Bà lão trả lời : « Tôi không thấy ai mất đầu mà còn sống bao giờ ». Ba ông liền ngã ra mà mất, mỗi dùn đất lấp cả thi hài. Hôm ấy là ngày mồng ba tháng giêng. Dân xã cúng tế và vua đế ruộng Long-trì cho dân xã phung sự.

Đến triều vua Trần-thái-Tôn (1223) ba ông được truy-phong là Đại-Vương. Đến đời vua Lê-Thái-Tồ (1428) ba ông lại được phong.

#### e) Đình làng Bạch-Hạc

Đình làng này rộng rãi và làm theo một kiến-trúc rất đẹp.

Dân làng thờ ông thần « Thủ-lệnh-Đại-Vương » về đời Hậu-lý (571)..

Trước cửa đình, ở bờ sông Lô có một miếng đá vuông cạnh 40 phân tây, dày 20 phân tây, trên có vết 4 ngón chân. Miếng đá ấy hiện nay để ở trước cửa đền « Hai-bà », về phía bên trái đình, người ta đặt lên một miếng đá khác và giữ-gìn rất cẩn-thận.

Dân làng kể sự tích vị thành-hoàng ấy như sau này :

Về đời nhà Đường (618-907), ông Lý-thường-Minh bấy giờ là đô-hộ-sứ nước ta, một hôm đến làng này để ngắm phong-cảnh. Ngài mơ tưởng thấy có hai người sứ-giả nhà trời. Hai người này là hai anh em mà Lý-thường-Minh chỉ muốn chọn lấy một người tài giỏi để ở lại đình Bạch-hạc thôi, liền bảo hai người thử sức. Người anh tên là « Thủ-lệnh-Đại-Vương » bước một cái qua sông, rồi lại bước về như bốn, nên mới thành vết chân ở hòn đá. Ở bên kia sông đáng lẽ cũng còn một vết chân nữa nhưng bị đất phủ xa lấp mất.

Người anh ở lại đình Bạch-hạc, còn em tên là « Thạch-khanh-Đại-Vương » đến ở làng Thủ-son, huyện Hạc-trì, tỉnh Phú-thọ. Vì vậy tượng Thành-hoàng làng Thủ-son bao giờ cũng quay mặt về phía đình Bạch-hạc.

### f) Đinh làng Bạch-lưu-Hạ

Đinh làng Bạch-lưu-Hạ, tổng Bạch-lưu, huyện Lập-thạch, không biết có từ bao giờ, nhưng trong đinh trang hoàng rất đẹp.

Các chỗ làm bằng gỗ như xà, kèo, đều chạm nổi, thành hình người và hình các con giỗng trông rất công-phu và mỹ-thuật.

Người ta thờ vị Thành-hoàng tên là Lã-công-Lệ, nguyên quán ở Nghệ-an (Trung-kỳ).

Ngài phò vua Triệu-văn-Vương (137-125 trước Thiên-chúa giáng sinh) đánh đuổi quân Hán. Đến năm 68 tuổi, ngài từ trần.

## 4. — DANH TƯ

### a) Chùa Thạch-Bàn

Phia trên đền Tây-thiên có một miếng đất phẳng gọi là Thạch-bàn, trên đó có một cái chùa bằng đồng, cao 0<sup>m</sup>60, dài 0<sup>m</sup>80 và rộng 0<sup>m</sup>60. Trong chùa có một ông phật nằm, đầu quay về phía bắc; hai bên treo một quả chuông con và một cai khánh. Đầu trước có một tấm bia chữ chữ dã mờ. Cách đây mấy năm, những người đi lẽ dồn rằng pho tượng biến mất, nhưng sau lại thấy ở chỗ cũ. Khách lên lê đền Tây-thiên đều chịu khó lên dãy cung bài.

### b) Chùa Kỳ-lân hay Kỳ-dà

Về địa phận làng Đông-viên và làng Lương-diền có một ngôi chùa rất cổ.

Đầu trước và hai bên chùa dựng hai tấm bia đá. Bia bên trái khắc tên những người cúng tiền làm chùa và ngày khởi công (ngày 14 tháng chạp năm Chính-hòa thứ 20, đời vua Lê-hy-Tôn (1699).

Trong chùa dán tờ yết-thị của trưởng Bác cõi đặt chùa này vào hàng các cõi-tích theo nghị-định của Quan Toản-Quyền ngày mồng một tháng 10 năm 1932.

Chùa làm kiểu chữ T lộn ngược (1). Ngôi nhà đằng trước có ba gian hai ngăn.

Ngôi nhà nối đầu với ngôi kia là chỗ thờ, có 2 ngăn. Tất cả có 76 pho tượng bằng gỗ và bằng đất.

Trong hậu-cung có pho tượng Di-dà thât to, kê sau hai dãy Tam-thế. Ba pho tượng ở ban trước, sơn son thiếp vàng, ngồi trên tòa sen. Thoạt trông không khác gì các tượng Tam-Thế mọi nơi và không có gì lạ nếu ở đế mỗi pho không có 4 chiếc đinh khuy. Các bô-lão kê chuyện như sau này :

Ngày trước người Tầu đẽ vàng ở các «tòa sen». Một hôm họ trở lại, buộc thửng vào các đinh khuy, kéo pho tượng lên, tự nhiên tượng tách ra để họ lấy vàng ở trong bệ. Xong rồi họ lại đặt xuống như cũ mà không ai biết.

Ta cũng nên đẽ ý đến con rùa bằng đá đẽ chân cột thứ nhất ở bên trái chỗ thờ. Con rùa ấy dài độ 80 phân tây rộng độ 60 phân tây. Một hôm thấy ở chân cột một chỗ cao độ 30 phân tây tách ra. Miếng gỗ tách ra, trên mai con rùa trông rõ một lỗ hổng dài 40 phân tây, rộng 13 phân tây và sâu 8 phân tây. Các bô-lão kê chuyện rằng chính chỗ ấy người Tầu cũng đẽ vàng nên mới thiêng, nhưng khi con rùa hổng mai vàng lấy đi rồi thì không thiêng nữa. Vả chăng cái cột đối với cột ấy ở bên phải kê lên viên đá vuông chạm chứ không phải kê lên cõi rùa.

Sau chùa ấy có một cái gác trong treo cái cồng rộng 1 thước 10, cao 20 phân và một cái chuông cao 1 thước 50, đường kính 80 phân, quai treo làm hình hai con rồng. Hai chiếc đều có khắc niên hiệu đúc ngày mồng 10 tháng riêng năm Minh-Mạng thứ 15 (1834) tiếng chuông và tiếng cồng kêu rất xa và hay lắm.

Muốn đến chùa phải đi con đường số 12 tức là đường Sơn-tây. Sau khi đi độ 8 cây số rẽ về bên phải, chùa cách chỗ rẽ 1 cây số rưỡi.

#### c) Chùa Thần-tiên hay chùa Cói

Chùa này ở Xứ Tiên-sơn làng Hội-hợp, huyện Tam-duong, kề là nơi cổ tích do nghị định quan Toàn-quyền ngày 29 tháng 4 năm 1930. Chùa bằng gỗ lợp ngói, xây kiểu chữ công (工). Gian thờ có 4 cột to và 20 chiếc cột con. Đằng trước có những bức thuận đúc bong rất cổ. Bốn cột sơn son, vẽ rồng, nhưng sơn bong đã lâu. Mỗi cột có 2, 3 lỗ hổng đã lắp lại, nhiều người bảo đấy là chỗ người Tàu để cưa. Chùa chính có 3 gian. Ngôi nhà nối đầu với chùa chính có 9 gian, bầy 61 pho tượng bằng gỗ và bằng đá sơn son. Bên tay phải treo 1 quả chuông cao 1 thước 40, đường kính 45 phân đúc ngày tháng hai năm Tự-đức thứ 12 (1859). Đằng trước hai bên chùa xây hai cây tháp bằng gạch, hình vuông, 7 tầng, cao độ 7 thước tây, cạnh dưới chân đúc được 2 thước 30, mỗi tầng có một chỗ xâu vào, trong đó vẽ hình một ông phật lâu ngày đã mờ gần hết. Hai ngọn tháp đều sụt, mẻ và ngả về đằng trước.

Cạnh tháp bên phải có một cái giếng thật sâu, đường kính đúc được 1 thước 20. Xung quanh giếng xây bằng đá. Nước trong và mát lắm. Quá ra đằng trước những cây tháp, ngay trước cửa chùa có Tam-quan lợp ngói. Tam-quan có hai cột gỗ to và nhiều cột đá cao 1 thước 80, người ta thấy khắc năm Canh-tý, không biết về thời nào.

Các bô-lão kể chuyện rằng khi vua Lê-thái-Tồ đuổi Liễu-Thăng (1428) về Tàu thì xây chùa, tháp, giếng và Tam-quan. Mãi về sau mới xây thêm những ngôi ba gian và chín gian. Khi ấy chùa rất linh thiêng; cầu gì đưọc nấy. Ai lấy trộm vật gì của chùa thì ốm ngay, khi nào đem trả vật ấy và tạ lỗi thì mới khỏi.

Cách đây 25, 26 năm, một hôm thấy dưới đế tượng đúc Quan-Âm bị thủng. Dân làng đem lắp lại, song từ đó mất thiêng, kỳ cựu kẽ lại rằng hình như người Tàu đã đẽ của và phong thần để giữ của ở đấy nên thiêng. Nay của đã lấy, thần đã thu, thành ra chùa không thiêng nữa.

#### d) Quán Tiêu

Trước chùa Thần-Tiên, về bên trái, cách độ 300 thước có một cái quán 3 gian bằng gỗ, lợp ngói, xây ở giữa đồng gọi là Quán-Tiêu. Các bô-lão kể chuyện rằng:

Về đời vua Lê-Hiển-Tôn, một người ở xóm Tiên-Sơn tên là Ngụy-danh-Phương nhất thống ở gò Đốc-Tôn, bấy giờ thuộc về làng Ngọc-Bội, huyện Bình-xuyên. Ông ta mệt sai gia-dinh sửa soạn để xây một cái quán 100 gian trong một đêm là xong và cho phao dồn rằng Tiên xây cho ông ta cái quán ấy để làm đại-doanh. Vì thế gọi là Quán-Tiêu. Về sau, dần dần quán đỗ nát, bấy giờ chỉ còn có ba gian, dân vẫn trồng nom, giữ gìn.

#### e) Chùa làng Vĩnh-Mỗ và làng Tiên-Mỗ

Làng Vĩnh-Mỗ và làng Tiên-Mỗ có một ngôi chùa thờ ông Sứ-quản Nguyễn-Khoan. Về thời loạn Thập-nhị sứ-Quân (967-968), ông Nguyễn-Khoan hùng-cử phượng này và đóng quân ở đồi Biên-Sơn thuộc xã Vĩnh-Mỗ.

Gần đồi ấy có cái đầm rộng độ mười mẫu gọi là Nguyễn-gia-Loan (hõ họ Nguyễn). Ông cho thả cá ở đầm ấy, năm nào cũng cứ đến ngày mồng 8 tháng riêng là ngày sinh-nhật của

êng, ông cho phép dân-cư và quân-linh thả lưới đánh cá, được bao nhiêu làm tiệc khao thưởng mọi người. Ban đêm, ông đặt tiệc trà, bánh quả, hương hoa, và đi thuyền chơi trên hồ với hai viên quan vồ.

Sau bị vua Đinh-tiên-Hoàng đánh thua, ông nhảy xuống hồ. Hai vợ và hai quan hầu cũng nhảy theo tự tử. Trong 20 hôm sau, đêm đến chó sủa inh ỏi, dân cư không được yên-đỗ, nên phải lập đền thờ.

Đến đời vua Trần-thái-Tôn, ông dùng phép giúp vua đánh giặc Mông-cổ được phong làm Thượng-dâng-Thần. Xã Vĩnh-mỗ và xã Tiên-mỗ được 300 quan tiền thưởng để tu bổ đền thờ ông. Từ đấy, đệ niên đến ngày mồng 8 tháng giêng, dân làng ra hồ đánh cá và cúng tế cùng ăn uống. Lại còn đến đêm hôm mồng 4 rạng ngày mồng 5 tháng 5, dân làng làm lễ ở đình : kèn, trống, thanh-la, nǎo-bat nỗi inh-ỏi để kỷ-niệm ngày ông chõng với quân vua Đinh-tiên-Hoàng.

#### f) Chùa Bỉnh-Sơn

Ở làng Bỉnh-sơn, tổng Đạo-kỷ, huyện Lập-thạch, có một ngôi chùa gọi là « Vĩnh-khánh-Tự » hay « Chùa Then ».

Không có một bút tích gì còn ghi lại, nên không thể biết được ngôi chùa cổ ấy xây dựng từ bao giờ.

Trước cửa chùa có một ngọn tháp bằng gạch, 9 tầng, mỗi tầng xà yè bằng 7 viên gạch chạm thành ra 7 cái hoa khác nhau, trông rất mỹ thuật.

Trường Bắc-cổ đã nhận cái tháp ấy là một nơi cổ-tích (nghị-định ngày 17 tháng bảy năm 1935)

## 5 — LĂNG-BIA

#### a) Bia làng Xuân-Lôi

Ở xã Xuân-lôi, tổng Hạ-ich, huyện Lập-thạch, có một cái bia đề ngày 19 tháng chạp năm Đại-chinh thứ 8 (1587). Trên bia có biên rằng : Đây là nơi táng Đức-Hoàng-Việt-Thái-Chiêu-Viên hoàng hậu. Hoàng-hậu Chiêu-Viên húy là Nguyễn-ngọc-Lang, sinh ở Xuân-lôi, ngày 15 tháng 8 năm Đoan-khánh thứ 3 (1507). Nàng được tuyển làm Thứ-phỉ vua Mạc-dâng-Dung (1527) và mất năm Đại-Chinh thứ 8.

Mãi đến năm 1929, dân xã Xuân-lôi mới xà yè mộ bằng gạch. Bên mộ có một bàn thờ nhỏ lợp gianh. Người ta đương định xà yè bàn thờ khác bằng gạch. Bia này được trường Bắc-cổ kê vào hạng cổ-tích (nghị-định ngày 16 mai 1925).

Tục truyền rằng Thái-Chiêu-Viên khi lấy Mạc-Đâng-Dung còn trẻ lăm. Cưới được ít lâu thì bị bệnh mà mất. Ngài mất đương buổi đào non nên vua rất thương sót, làm lễ an táng rất long trọng. Muốn kỷ-niệm người yêu đã quá cố vua sai dựng bia ở bên mộ nàng.

Khách du-lịch có thể đi ô-tô đến Xuân-lôi, theo con đường từ Lập-thạch đến Gia-hòa, cũng dễ đi.

#### b) Lăng Thất-vị

Tục truyền rằng : đời xưa ở làng Bố-lý, huyện Tam-duong, có nhà họ Lỗ sinh ba lão được 6 con trai và một lần cuối cùng được một người con gái. Đời vua Trần-nhân-Tôn (1279) bảy anh em đều đầu quân và chiêu tập binh mã giúp ông Lê-phú-Trần đánh giặc Mông-cổ. Giặc tan, bảy vị cùng hóa ở núi Đinh-Sơn, xã Hán-nữ, huyện Tam-duong. Hiện nay hòn còn lăng. Xã Tích-Sơn và nhiều xã khác lập đền thờ.

### c) Sinh-phần Quan Giám

Về đời vua Lê-hiến-Tôn, ở làng Phú-da, phủ Vĩnh-Tường, có một ông quan-thị, vua rất yêu quý và cho phép xây cái sinh-phần thật tráng-lệ (1766). Ngày nay sinh phần ấy có một nóc chính và hai hành lang ở hai bên, giữa có một cái sân có voi đá, ngựa đá và phỗng đá to bằng thật. Đầu trước có cái án-tiền để tế lễ, xây dưới gốc cây cổ thụ, bên hõ xen, về mùa hè là một nơi nghỉ ngơi rất thú vị.

### d) Những ngôi mộ cổ của người Tầu ở Lạc-ý

Ở làng Lạc-ý, thuộc huyện Yên-Lạc, người ta mới tìm thấy năm ngôi mộ cổ của người Tầu, theo nghị-dịnh ngày 17 Juillet 1935, liệt vào hạng cổ-tích.

Những mộ đào thấy, toàn bằng gạch cổ có vẽ hình quả chám, xếp lại. Không biết những hang ấy có từ đời nào, nhưng cứ xét lẽ : hang xếp gạch chứ không xây bằng vôi vữa thì đủ biết hang ấy cổ lắm rồi, it ra là đã được 2 nghìn năm.

Nơi thì có một hang ; nơi thì có ba, bốn hang liền, rộng, hẹp, cao, thấp không đều nhau.

1º) Ngôi thứ nhất có 4 cái hang bằng gạch, người chui vào phải cúi.

2º) Ngôi thứ hai lại là một cái hầm cao hơn, đi vào rất dễ.

3º) Ngôi thứ ba có một hang mà quang giữa đã bị phá từ trước.

4º) Ngôi thứ tư cũng có một hang, nhưng hai đầu có cửa sồ, ở giữa có hai bức tường thấp.

5º) Ngôi thứ năm đã bị phá hủy gần hết, chỉ còn hai mảnh tường.

Ở trong những hầm các ngôi mộ người ta tìm thấy : 5 cái chum to bằng đất, có nắp đậy kín (một cái đã vỡ) toàn đựng một chất giống như đất ; 3 cái lọ trăng trăng cũng đựng chất ấy, một cái nhà con bằng đất nung, một cái lò dun rất bé, một hộp vàng bằng hộp vàng đan bà đeo cổ, một miếng đồng mạ vàng và mấy đồng tiền đồng, lỗ vuông.

Nhiều người cho rằng những hang ấy là chỗ để của của người Tầu, nhưng thực ra chỉ là những ngôi mộ cổ, chẳng khác gì những ngôi mộ đào thấy ở Phả-lại, Quảng-yên và ở Nghi-vệ (Bắc-ninh) hồi trước.

## 6. — VÀI NƠI CỔ TÍCH

### a) Cây mít cổ thụ

Trong vườn chùa Ngũ-phúc thủa xưa tức là dinh quan Công-sứ bây giờ, có một cây mít thực to. Từ đời vua Lê-hiến-Tôn (1740) đã cho là cây cổ thụ rồi. Cây rất rườm rà, xanh tốt, gọi là « cây mít ở cổ địa » cũng không sai.

Ông Tiển-sĩ Nguyễn-trần-Quyên lúc làm Tông-Đốc Sơn-tây có làm bài thơ vịnh cây mít bằng chữ nho chép trong sách Hoàng-Việt. Xin lược dịch bài thơ ấy.

« Gò này thuộc về dãy núi Tam-dảo

« Ai đến ngắm cảnh cũng đem lòng tôn kính

« Huyện Tam-dương có nhiều cảnh đẹp.

« Trước chùa Ngũ-Phúc, trên miếng đất phật, mọc cây mít cổ thụ,

« Cảnh lá rườm rà ».

b) Ao tắm voi, núi quần ngựa

Về thế kỷ thứ 18 tướng giặc Nguyễn-danh-Phương làm chúa tể ở gò Dốc-tòn, thuộc xã Ngọc-bội, huyện Bình-xuyên, thường hay cho tắm voi ở ao Ngọc-bội và quần ngựa ở gò Bá-dại, thuộc xã Hán-nữ huyện Tam-dương và gò núi Quit, làng Quất-lưu, huyện Bình-xuyên. Nay giờ còn vết tích ở ao Ngọc-bội và gò Bá-dại.

7. — DI-TUC

a) Làng Đồng-vệ và làng Bích-đại  
« Trinh nghè » và « Tung con »

Làng Đồng-vệ và Bích-đại, phủ Vĩnh-tường, có một ngôi đền ở xã Đồng-vệ, thờ một ông thánh về triều Hùng-Vương.

Hàng năm, ngày mồng 4, mồng 5 tháng giêng có hội « trinh nghè » và « tung con ».

**Trinh nghè.** — Nhà nào có trâu cầy mà không có tang là phải làm một con trâu bằng rơm, không có chân. Một người đội con trâu bằng rơm và kéo cầy. Một người cầm cầy cầy thật tháo lưỡi ra. Một người con gái, cùng người trong họ, mang một thúng chấu đầy. Ba người diễn lại cuộc reo mạ và cầy ruộng ở sân đình. Những trẻ con hay con trai độ 20 tuổi làm trâu hay người cầy ruộng, song ăn mặc giả làm con gái ; những người con gái 16, 17 tuổi làm thợ mạ, ăn mặc giả làm con trai. Như thế gọi là « trinh nghè ».

**Tung con.** — Mỗi xã Đồng-vệ và Bích-đại đem hai cái túi ; mỗi túi đựng 12 miếng gỗ vòng dài độ 15 phân tây, sáu miếng có búp và 6 miếng không. Miếng có búp tức là con trai, miếng không là con gái.

Bốn túi gỗ sắp sẵn sàng, bày trên bàn thờ ; mỗi ngày tung 2 túi.

Ngoài sân đình dựng hai cái chòi để tung gỗ vòng.

Làng chọn hai ông kỳ-mục có cả con trai lẫn con gái và không có tang, mặc áo đỏ đến lễ trước hương-án. Theo sau có hai người đàn ông thắt lưng xanh. Đó là hai người « mang con ». Bốn người lực lưỡng kiệu các ông áo đỏ lên chòi, những người « mang con » cũng theo lên. Hai ông mở túi que ra và ném xuống tứ phía. Người trong làng tranh nhau nhặt. Ai nhặt được mảnh có búp thì hy-vọng đẻ con trai, nhặt được mảnh nhẵn thì sẽ sinh con gái. Họ cho thế là may mắn lắm.

b) Làng Thạc-trục (Lập-thạch)

Làng Thạc-trục có hai tục là : « leo cầu » và « bắt chạch » vào ngày mồng 10 tháng giêng.

Người ta tin rằng làm thế chóng sinh con, song những người ở làng khác mới được dự cuộc.

Hàng năm, từ mồng năm tháng giêng, nhiều người cầu tự đem vàng hương đến lễ Đinh và xin dự cuộc. Nhưng mỗi lần làng chỉ nhận hai người đàn ông và hai người đàn bà đến trước mà thôi.

**Leo cầu.** — Một cây gỗ mít cong, dài độ 2 thước, rộng 10 phân dùng làm cầu, đẽ ở sân đình.

Một người đàn ông và một người đàn bà được leo cầu. Người đàn ông có hai người đi theo. Người đàn bà cũng có hai người đi theo. Hai người đàn bà đi phụ phải biết hát gọi là « mẹ đầu ».

Đi ở sân đình, một người đàn ông hát huê tinh; một người đàn bà cũng hát trả lời. Đi đến cầu, hai người đóng vai chinh leo lên cầu, mỗi người tựa vào hai người phụ, đi ở dưới đất, vừa đi vừa hát. Đến giữa cầu, người đàn ông ôm lấy người đàn bà và bóp vú rồi lại leo hết cầu. Nhưng nếu một người ngã thì phải làm lại.

#### Phải leo cầu ba lượt như thế.

**Bắt trạch.** — Một cái vại đầy nước, trong thả một con lươn dề ở sân đình. Hai người dự cuộc lễ trước hương-ân, rồi người đàn ông ôm người đàn bà, một tay bóp vú, người đàn bà hát huê tinh. Hai người cứ thế đi đến chỗ dề vại. Người đàn bà, vẫn bị ôm, và bóp vú cùi xuống lấy tay bắt trạch. Trạch nhỏ và tròn, it ra cũng một giờ đồng hồ mới bắt được.

Làm xong, hai người được thưởng một mâm cỗ và một hào. Hai người cùng uống rượu và ăn cỗ. Cỗ còn bao nhiêu, phần người đàn bà, cả tiền thưởng nữa.

Người ta tin rằng bắt trạch sẽ có con, nên nhiều người xin làm.

Các bô-lão kẽ rằng tục ấy không biết có từ bao giờ và nếu bỏ đi thi làng không được yên ổn. Đã mấy lần xin bỏ mà Thánh không ưng.

#### c) **Chọi trâu ở làng Bạch-lưu-Hạ, huyện Lập-thạch**

Hàng năm cứ đến ngày 17 tháng giêng và 28 tháng chạp, dân làng Bạch-lưu-Hạ mở hội « chơi trâu » để kỷ niệm đức thành-hoàng làng, Lã-công-Lê.

Ấy cũng vì nhớ lại những trận oanh liệt của ngài đánh quân Hán nên mới có tục « chơi trâu » (Xem sự tích ngài ở mục « Đinh làng Bạch-lưu-Hạ »). Những trâu chơi sau đem giết thịt để tế thần rồi dân làng ăn uống, giả làm như khi thắng trận khao quân.

Những trâu đem trại, hồn giáp phải lần lượt đem nộp ngay từ đầu năm. Trâu phải den tuyển khỏe mạnh, không có vết tích gì, đòi sừng cân với nhau. Những trâu ấy có thể cho đi cày vụ tháng năm nhưng vụ tháng mười thì cho nghỉ. Phải chăn nuôi trâu cẩn thận. Phải cho ăn cỏ non, tắm luân và cho ở chuồng rất sạch-sẽ, xa những con vật khác.

Đến ngày đem chơi, trâu phải thật béo. Cứ một đôi một chơi với nhau; con nào thua thì loại ra và lấy con khác thay vào, những con được cũng không có thưởng gì cả.

#### d) **Đua thuyền ở hai làng Phú-yên và Hạc-Dinh, phủ Vĩnh-tường**

Hai làng này thờ vị thần : Đặng-Đào-Song-Nga. Ngày 25 tháng năm (41 trước Thiên chúa giáng sinh) hình như ngài đã hiển linh giúp hai bà Trưng đánh quân Tàu.

Đèn niên, từ ngày 25 đến 27 tháng năm, dân hai làng mở hội bơi thuyền.

Thôn Phú-yên, thôn Bồ-thôn, cùng thuộc làng Phú-yên và làng Hạc-dinh, mỗi nơi có một cái thuyền « rồng » làm bằng gỗ chò, dài 20 thước tây, rộng 2 thước 20 phân tây, hai đầu sơn đỏ, giữa sơn đen.

Trong khi đua thuyền, mỗi thuyền phải có 40 người: một người đứng đằng trước cầm lá cờ đỏ, một người đứng đằng sau bẻ lái, còn 38 người ngồi hai bên chèo.

Bắt đầu bơi thuyền từ chiều hôm 24 ở sông Phó-day, trước cửa đình. Buổi sáng hôm 25, có cuộc đua thuyền từ đình đến làng Diệm-xuân. Chiều hôm 26, thuyền rời

mãi đến tận Bến-că (làng Nghĩa-yên). Hôm 27 cuộc đua thuyền di đến tận dinh làng Hội chữ.

Mỗi một lượt bơi như thế, mỗi thuyền được thưởng một hào.

Hôm 26, sau cuộc đua thuyền, đến cuộc rước kiệu bát cống đặt trên ba cái thuyền kết lại, di từ trước dinh sang bên kia sông, đến cái gò đê thỉnh đức thánh Tân-viên là bạn của thần Đǎng-đạo Song-Nga.

Chiều hôm 27, tế lễ một lần nữa ở đình, trước khi kéo thuyền lên, thế là giã dám.

#### e) Làng Bàn-mach phủ Vĩnh-tường.

Hàng năm cứ đến ngày mồng sáu tháng giêng, làng Bàn-mach vào hội đền «lễ Cầu Tầm».

Một «cây tơ» làm bằng một cây cau đứng giữa sân đình, xung quanh có buộc những tướp tre rất mảnh sơn vàng sơn đỏ giả làm tơ.

Tế lễ xong, những người đi xem hội xô nhau đến «cây tơ», cướp lấy những tướp ấy. Họ nói rằng ai cướp được vài sợi tướp là nuôi tằm được may mắn.

Lại còn một ngày hội nữa vào hôm 17 tháng 10, tức là ngày giỗ ông thần làng. Tế lễ xong, trẻ con, trong làng chia làm hai đảng. Mỗi đảng đứng một bên, cầm gậy và roi đánh nhau. Bên nào thắng là suốt năm được may mắn.

#### f) Tung cầu ở làng Bạch-hạc, phủ Vĩnh-tường.

Năm nào cũng vậy, cứ đến ngày mồng ba tháng giêng, làng Bạch-hạc có hội «tung cầu» ở đình.

Có chín quả cầu làm bằng lúa vàng trong nhồi mùn cưa, một quả to, còn tám quả nhỏ, gọi là «một mẹ tám con». Mỗi quả hình quả đào trên có cái núm bằng bông, buộc vào sợi giây, mắc vào một cành tre. Xung quanh quả cầu có riềng xanh, đỏ trông rất đẹp.

Sáng hôm mồng ba, dân làng rước kiệu đến nhà người làm «cầu» ấy, để các quả cầu lên một cái giá ở trong kiệu, rồi rước về đình.

Về đến đình dân làm lễ để thay chín quả cầu mới ấy vào những quả cũ năm trước. Bao nhiêu quả cũ đặt trước bàn thờ, rồi dân làng làm lễ «Tế-cầu».

Tế xong, ba người kỳ-hào đứng ra tung cầu. Người đầu tiên cầm quả cầu mẹ và hai quả cầu con đọc một bài thơ chúc tụng, cầu may, rồi cầm cành tre giơ những quả cầu sấp tung lên. Một tiếng trống diêm theo ngay, mọi người hoan hô vui vẻ.

Lại đọc một bài thơ nữa, cũng một tiếng trống diêm theo, mọi người lại hết sức reo hò: Xong, người ấy rút những quả cầu ở cành tre ra, lấy sợi chỉ buộc lại với nhau, rồi vứt ra giữa đám đông người, họ sô dầy nhau mà tranh cướp. tiếng reo hò ầm ĩ, xen lẫn với tiếng trống đánh liên thanh. Ai bắt được quả cầu ấy phải vào lễ ta thần và được hẳn quả cầu.

Còn những quả sau hai người kỳ hào nữa cũng lần lượt nhau mà làm như người trước. Xong đâu đãi dân làng lễ tạ, thế là xong.

Người ta cho rằng: ai nhặt được những quả cầu ấy, thì được mọi sự sung sướng, nhất là cho trẻ con deo vào cổ.

Lại một ngày hội nữa vào ngày mồng năm tháng giêng ở đình, tức là hội đức thánh bà Ôn-Bà-Đại-Vương về đời nhà Hậu-lý (1010-1225).

Có một điều khác thường trong ngày hội, là việc tế nữ ban do một bà có danh vọng trong làng vào mệnh-bái và những con gái làm bồi tế. Cũng vì thế nên nhiều người ở làng lân cận nò nức đến xem vui vẻ lắm.

Về tháng ba, vào những ngày mồng mười, 11, 12, 13 làng Bạch-hạc cũng có hội. Trong những ngày hội ấy, có cuộc đua thuyền ở sông Lô và nhiều cuộc vui khác ở đình.

## 8. — DANH-NHÂN

### a) Danh-tướng.

Ông Trần-nguyén-Hãn là một bậc danh-tướng, người làng Sơn-dòng (Phú-thị và Quan-tử bây giờ) đã giúp vua Lê-thái-Tồ đánh quân Tầu (1428) và được phong là Khai-quốc-Công-Thần. Ông lại được cải họ, theo họ nhà vua, nên gọi là Lê-nguyén-Hãn. Ở làng ông có lập đền thờ rất nguy nga.

### b) Danh-sỹ.

1. — Ông Nguyễn-duy-Thời sinh ở làng Yên-lan, huyện Bình-xuyên, đỗ Tiến-sĩ đệ nhị-giáp, niên hiệu Quang-hưng (1578). Về đời vua Lê-thái-Tôn, làm đến chức Thượng-thái-Tề. Danh tiếng ông còn đến ngày nay, ai cũng biết « Cụ-thượng-Láng ». Ở làng có lập đền thờ.

2. — Ông Phan-Du sinh ở làng Tiên-mỗ, huyện Yên-lạc, thi đậu Trạng-nghuyên, đời vua Vĩnh-dịnh, triều-Lê (1547).

3. — Ông Lê-Ninh sinh ở làng Thủ-ich, huyện Yên-lạc, thi đậu Trạng-nghuyên, niên hiệu Hồng-dức vua Thánh Tôn nhà Lê (1470).

4. — Ông Phạm-công-Bình ở làng Đồng-lạc, huyện Yên-lạc đỗ Trạng-nghuyên, niên hiệu Vĩnh-khanh, đời vua Lê-duy-Phương (1729). Quê ông có lập đền thờ.

5. — Ông Nguyễn-khai-Mai sinh ở làng Trung-hà, huyện Yên-lạc, hai lần đỗ Thủ-khoa và đỗ Tiến-sĩ triều vua Tự-đức (1848).

86 vị nữa đều đỗ đại-khoa về Tiền-triều, và 6 vị về Bản-triều. Tên còn khắc ở bia Văn-miếu hàng tinh.

### c) Cung-phi

Nguyễn-thị-ngoc-Lang, quán xã Xuân-lôi, huyện Lập-thạch, tài, sắc tuyệt vời, được tuyển làm Cung-phi của vua Mạc-dăng-Dung.

### d) Tướng-giặc.

Nguyễn-danh-Phương ở sóm Tiên-son, làng Hội-hợp, huyện Tam-dương, về đời vua Lê-hiển-Tôn (1755) chiếm cứ trong 18 năm trời gò Đốc-Tôn thuộc về xã Ngọc-bội, huyện Bình-xuyên, và nuôi rất nhiều voi ngựa.

Sử cho tướng giặc này là « He rùng » đê đối với Nguyễn-hữu-Cầu à « He bê ». Hai người đều bị ông Phan-dịnh-Trọng bắt được.

### e) Chữ-vàng-vua-ban

Đời vua Đồng-khánh (1886), ở làng Kiên-cương, phủ Vĩnh-tường, một tên tướng cướp tên là Đốc-cù phá hại nhân dân xã Văn-trưng lập mưu giết được tên giặc ấy. Từ đó dân sự mới được yên ổn. Muốn thưởng công lao ấy vua Đồng-khánh ban cho dân bức hoành-phi khắc năm chữ vàng « VĂN-TRƯNG-XÃ-NGHĨA-DÂN ». Bức hoành-phi hiện treo ở Đình.

# MỤC LỤC

## MỤC THỨ NHẤT :

### VĨNH - YÊN HÌNH - THẾ

Số bài	Số Trang
1 — Vị-trí, diện-tích . . . . .	1
2 — Địa-thể . . . . .	1
3 — Sông ngòi . . . . .	1
4 — Đè-diều . . . . .	2
5 — Khi-hậu . . . . .	2

## MỤC THỨ HAI

### VĨNH - YÊN CHÍNH - TRỊ

1 — Lịch-sử Vĩnh-yên . . . . .	3
2 — Các Quan đầu tỉnh . . . . .	6
3 — Dân-cư . . . . .	7
4 — Các m . . . . .	11
5 — Tôn-giáo . . . . .	11
6 — Cách tă chức việc cai-trị . . . . .	12
7 — Danh sách các xã . . . . .	19

## MỤC THỨ BA

### VĨNH - YÊN KINH - TẾ

1 — Đường giao thông . . . . .	24
2 — Canh nông . . . . .	24
3 — Dân thủy-nhập-diền . . . . .	25
4 — Chăn nuôi mục súc . . . . .	26
5 — Đồn-diền . . . . .	26
6 — Rừng . . . . .	27
7 — Công-nghệ . . . . .	27
8 — Thương mại . . . . .	27

## MỤC THỨ TƯ

### CỔ - TÍCH VÀ THẮNG - CẢNH

1 — Nơi danh thắng . . . . .	28
2 — Nơi săn bắn . . . . .	29
3 — Linh-tử . . . . .	29
4 — Danh-tự . . . . .	32
5 — Lăng bia . . . . .	34
6 — Vài nơi cổ tích . . . . .	35
7 — Địa-tục . . . . .	36
8 — Danh nhân . . . . .	38